

BAN TỔ CHỨC

STT	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ
1	TS. Vũ Thị Hồng Vân	Trưởng khoa	Trưởng ban
2	TS. Phùng Danh Cường	Phó trưởng khoa	Phó Trưởng ban
3	TS. Trần Thị Bích Huệ	Giảng viên	Ủy viên, thư kí
4	TS. Lê Văn Mười	Trưởng Bộ môn ĐLCMVN và TTHCM	Ủy viên
5	TS. Phạm Thị Thu Hương	Trưởng Bộ môn Các NLCNM-LN	Ủy viên

HỘI ĐỒNG KHOA HỌC KHOA LLCT-PL

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	TS. Vũ Thị Hồng Vân	Chủ tịch hội đồng
2	TS. Phùng Danh Cường	Ủy viên
3	TS. Trần Thị Bích Huệ	Ủy viên
4	TS. Phạm Thị Thu Hương	Ủy viên
5	TS. Lê Văn Mười	Ủy viên
6	TS. Nguyễn Thị Lan	Ủy viên
7	TS. Trần Thị Minh Trâm	Ủy viên
8	ThS. Hoàng Thị Hương Thu	Ủy viên

MỤC LỤC

STT	Tên bài viết	Tác giả	Trang
1	Vận dụng phương pháp thảo luận nhóm trong giảng dạy môn chính trị ở trường ĐHCN HN	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Anh	4
2	Kết hợp giữa phương pháp dạy học truyền thống và hiện đại trong giảng dạy các môn khoa học lý luận chính trị: Thực trạng và giải pháp.	ThS. Trần Thị Anh	14
3	Vấn đề dân chủ trong văn kiện đại hội XII của Đảng	ThS. Trần Thị Thúy Chinh	21
4	Vận dụng quan điểm của Đảng về kinh tế tư nhân tại Đại hội lần thứ XII vào quá trình giảng dạy cho sinh viên trường ĐHCNHN.	TS. Nguyễn Văn Sơn	29
5	Điểm mới của Đại hội XII về nhà nước pháp quyền	ThS. Ngô Thị Thanh Tâm	38
6	Nghị quyết hội nghị trung ương 5 (khóa XII) với vấn đề khởi nghiệp cho sinh viên trường ĐHCNHN	ThS. Nguyễn Thị Thọ	50
7	Nâng cao hiệu quả tự học các môn Lý luận chính trị cho sinh viên ĐHCNHN	ThS. Lê Thị Bích Thuận	59
8	Một số phương pháp tích hợp giáo dục đạo đức nghề nghiệp vào dạy học môn Chính trị tại trường ĐHCNHN	TS. Trần Thị Minh Trâm	66
9	Sử dụng phương pháp Semina trong việc dạy và học môn Những nguyên lý cơ bản của CN M_LN hiện nay	ThS. Bùi Thị Kim Xuân	75

LỜI MỞ ĐẦU

Trong tiến trình lịch sử Việt Nam hiện đại, mỗi kỳ Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam là một sự kiện trọng đại, là một dấu mốc mới của đất nước trên con đường đi lên CNXH. Qua mỗi Đại hội, công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước lại có thêm động lực phát triển mới. Động lực ấy xuất phát từ sự đánh giá đúng tình hình nhiệm vụ cách mạng, xác định rõ đường lối, phương hướng và những giải pháp cụ thể, Nghị quyết Đại hội là ngọn cờ dẫn đường để toàn dân tộc, đồng sức đồng lòng vững bước tiến về phía trước. Đối với các cơ sở giáo dục đào tạo, việc quán triệt, tuyên truyền, đưa Nghị quyết Đại hội XII của Đảng vào bài giảng là một yêu cầu nhiệm vụ trọng tâm, có ý nghĩa trong việc tạo sự chuyển biến về nhận thức, thống nhất ý chí và hành động trong cán bộ, giảng viên và sinh viên, phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội. Với mục đích nâng cao chất lượng dạy và học, vận dụng văn kiện Đảng XII vào giảng dạy các môn Lý luận chính trị, Pháp luật cho sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, Khoa Lý luận Chính trị - Pháp luật tổ chức Hội nghị khoa học cấp đơn vị với chủ đề: **“Vận dụng Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII vào giảng dạy và đổi mới phương pháp giảng dạy các môn Lý luận Chính trị, Pháp luật”**

**VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP THẢO LUẬN NHÓM
TRONG GIẢNG DẠY MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ Ở TRƯỜNG
ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**

ThS. Nguyễn Thị Ngọc Anh

Khoa Lý luận Chính trị - Pháp luật, Đại học Công nghiệp Hà Nội

Số điện thoại: 0912757167

Từ khóa: Phương pháp thảo luận nhóm, môn chính trị

1. GIỚI THIỆU

Để hưởng ứng chiến lược dạy học tích cực, lấy người học làm trung tâm thì việc khuyến khích sinh viên tham gia hoạt động và chủ động hơn trong giờ học bằng phương pháp thảo luận nhóm là một trong những phương pháp giảng dạy được nhiều giáo viên quan tâm và thực hiện nhằm mở rộng và nâng cao nhận thức vấn đề giữa giảng viên và sinh viên để đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp và nâng cao chất lượng giáo dục hiện nay. Vì vậy, nội dung tham luận này chủ yếu tập trung ở những phương pháp nhằm nâng cao hiệu quả của phương pháp thảo luận trong giảng dạy đại học.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bằng phương pháp nghiên cứu khảo sát, phân tích, tổng hợp, đánh giá và thực tế trải nghiệm của bản thân... bài viết xác định một số kinh nghiệm trong việc vận dụng phương pháp thảo luận nhóm trong dạy môn chính trị trong trường ĐHCN HN.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1 Lý luận về phương pháp thảo luận nhóm

A. Xác định phương pháp thảo luận: là một yếu tố rất quan trọng bảo đảm cho chất lượng và sự thành công của quá trình thảo luận. Nếu giảng viên sử dụng phương pháp thảo luận tốt phù hợp với nội dung và mục tiêu thảo luận sẽ góp phần củng cố, định hướng và phát triển tư duy người học trong ba lĩnh vực: kiến thức, kỹ năng (thực hành và ứng dụng), thái độ và tinh thần trách nhiệm trong

việc học tập và hướng nghiệp. Do đó, khi lựa chọn phương pháp thảo luận giảng viên cần căn cứ vào:

- Đối tượng người học (đặc điểm tâm sinh lý, kiến thức, kinh nghiệm học tập)
- Nội dung thảo luận.
- Mục tiêu chuyên ngành học.
- Kinh nghiệm giảng viên.
- Tính khoa học và thực tiễn của vấn đề.
- Môi trường, phương tiện học tập và giảng dạy.
- Tạo điều kiện hoạt động tối đa cho người học.
- Tạo cơ hội tương tác thông tin, phản hồi, củng cố và điều chỉnh.

B. Các bước tiến hành thảo luận

Tạo bầu không khí thuận lợi

Theo nhiều nghiên cứu khoa học nhận định môi trường học tập có thể ảnh hưởng đến tâm tư, tình cảm, thái độ và hành vi, động cơ học tập của sinh viên. Vì vậy, khi tiến hành thảo luận giảng viên cần chủ động tạo bầu không khí thoải mái như [3]:

- Trao đổi công bằng và dân chủ giữa các nhóm sinh viên.
- Bình đẳng chấp nhận ý kiến lẫn nhau giữa các nhóm sinh viên
- Nhóm sinh viên có hứng thú, thu nhận nhiều thông tin.
- Tuân thủ thời gian thảo luận theo quy định.
- Kết hợp với một số nguyên tắc vui (bài hát khởi đầu, điểm cộng và quà tặng cho nhóm được đánh giá tốt nhất...).
- Tạo không khí chia sẻ thông tin và cạnh tranh lành mạnh.

Kỹ năng phân chia và làm việc nhóm

Việc phân chia và làm việc nhóm thảo luận chủ yếu dựa trên nội dung bài học và đối tượng người học. Có nhiều kỹ thuật phân nhóm thảo luận:

- Nhóm 2-3 sinh viên ngồi cùng bàn trao đổi, thảo luận – gọi là nhóm nhỏ.
- Kết hợp các nhóm lại thành nhóm lớn 7 – 10 người (lớp đông) gọi là nhóm lớn.

- Cho một nhóm thảo luận, nhóm còn lại quan sát lắng nghe và phản hồi gọi là nhóm “bê cá”.
- Chia sinh viên bằng số vấn đề thảo luận trong nội dung bài học, và thảo luận theo thứ tự của nhóm tương ứng với thứ tự vấn đề thảo luận, sau đó giảng viên mời cả lớp thảo luận chung và tổng kết gọi là nhóm “luân phiên”.
- Yêu cầu mỗi nhóm bầu chọn người lãnh đạo nhóm: nhóm trưởng, nhóm phó, trợ lý nhóm đáp ứng các tiêu chuẩn: kiến thức tốt, đạo đức và tư cách tốt (khiêm tốn và được kính trọng), có năng lực tổ chức.

Kỹ năng đặt câu hỏi

Những cuộc thảo luận đạt được hiệu quả cao là dựa vào các câu hỏi có tư duy. Giảng viên đặt câu hỏi để gợi ý và kiểm tra nhận thức, bổ sung kiến thức của học viên, ngược lại giảng viên cũng khuyến khích học viên đặt câu hỏi để nghiên cứu, tìm hiểu và đi đến khái quát vấn đề thảo luận.

Các câu hỏi thường được thiết kế theo trình tự hợp lý từ thấp đến cao, từ cơ bản đến gợi mở kích thích sự sáng tạo và nghiên cứu của học viên. Các câu hỏi thường đi từ mức độ: biết – hiểu – vận dụng và theo các tiêu chí sau:

- Phải có trọng tâm.
- Liên quan đến nội dung thảo luận.
- Diễn đạt ngắn gọn.
- Phải huy động kiến thức và kinh nghiệm sinh viên và giảng viên đa tích lũy.
- Kích thích tư duy sáng tạo.

Kỹ năng thuyết trình

Là một kỹ năng mềm quan trọng trong cuộc sống và đặc biệt đóng vai trò rất quan trọng trong phương pháp thảo luận bởi nó góp phần làm nên sự thành công của nội dung thảo luận. Vì vậy, khi học viên thuyết trình giảng viên cần chú ý bảo đảm các nguyên tắc sau:

- Nội dung thuyết trình phải rõ ràng và nhất quán.
- Các lập luận được liên kết với nhau.

- Cập nhật được thông tin hữu ích.
- Nội dung súc tích, thuyết phục.
- Xác định các vấn đề cần khắc phục và cải tiến.
- Tạo lập được mối quan hệ với người nghe.
- Tự tin và có thể kiểm soát quá trình thuyết trình.
- Nhận được thông tin phản hồi từ phía người nghe.
- Đáp ứng kỳ vọng của người nghe.

Kỹ năng lắng nghe

Lắng nghe là một kỹ năng cần thiết và quan trọng trong thảo luận. Lắng nghe tập trung khi thảo luận giúp người học có những lợi thế sau:

- Xác định các ý chính được thảo luận.
- Chủ động xử lý thông tin trong khi nghe.
- Phản hồi có cơ sở khoa học.
- Học cách tôn trọng bản thân mình và người khác.
- Học cách đánh giá và cập nhật nhanh thông tin.

Kỹ năng phản biện

Phản biện được hiểu là xem xét, đánh giá, bàn bạc trao đổi vấn đề ở nhiều phương diện. Trong phương pháp thảo luận phản biện có tác dụng xây dựng và hoàn thiện nội dung thảo luận hơn thông qua những phát hiện, hạn chế và thiếu sót. Vì vậy, giảng viên cần lưu ý hướng dẫn kỹ năng phản biện cho người học dựa trên những nguyên tắc sau:

- Khi phản biện phải có luận chứng theo phương pháp A.R.E được thể hiện như sau:

Assertion – khẳng định về vấn đề được trình bày

Reasoning – sử dụng lý lẽ để giải thích cho vấn đề muốn tranh luận

Evidence – đưa ra chứng cứ, trình bày ví dụ về những lý lẽ đã nêu

- Thực hiện phản biện theo mô hình 4 bước sau:

“Bạn /các bạn nói rằng...” Nhắc lại vấn đề cần tranh luận

“Nhưng tôi/ chúng tôi không đồng ý...” Bác bỏ ý kiến không đồng tình, có thể dựa vào chính lý do đã đưa ra

“Bởi vì...” Nêu lý do của quan điểm đối ngược

“Vì vậy...” Tổng kết lại

Kỹ năng tổ chức, điều khiển

Để duy trì một buổi thảo luận thường đòi hỏi kỹ năng tổ chức, điều khiển kịp thời của giảng viên trong những tình huống phát sinh để làm rõ những vấn đề quan trọng. Thỉnh thoảng giáo viên cắt ngang để hỏi sinh viên.

Minh họa: “Được rồi, xem chúng ta đã đi đến đâu của vấn đề rồi?”; “Hãy quay lại mục tiêu của chúng ta”; “Từ đầu đến giờ chúng ta đã nói những gì?”, “Bạn nào có thể tóm tắt 3 ý chính đã được bàn từ đầu đến giờ?” Sử dụng bảng viết trợ giúp cũng như yêu cầu sinh viên (nên chọn người nổi bật đặc biệt – đó là cách để kích thích sự tham gia của họ) theo dõi và ghi lại nội dung thảo luận. Giảng viên nên tóm tắt trọng tâm vào cuối buổi thảo luận. Sinh viên sẽ cảm thấy thích thú hơn với buổi học có giá trị. Thậm chí nếu buổi thảo luận bị lạc hướng, với sự trợ giúp ghi chú của sinh viên, giảng viên tổng hợp những điều sinh viên đã được học là phương tiện để đưa lớp quay lại bài học. Giảng viên cần bố trí và quản lý thời gian một cách linh động cho các phần mô tả, phân tích, đánh giá tùy vào nội dung, mục tiêu bài học và trình độ của sinh viên.

C. Ưu điểm, nhược điểm của phương pháp

***Ưu điểm**

- Sinh viên đã nhận thấy được vai trò và ý nghĩa của phương pháp thuyết trình nhóm trong việc học tập và nghiên cứu nội dung môn học. Một số sinh viên đã chủ động, và tìm ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng các buổi học nhóm.

- Qua việc học tập theo nhóm các thành viên thấy được vai trò của mình đối với tập thể, bước đầu thành thạo được nhiều kỹ năng, như: tìm kiếm tài liệu trên Internet, thư viện, tạp chí chuyên ngành..., tóm tắt nội dung, trình bày vấn đề.

- Thuyết trình nhóm đã tạo cơ hội cho các thành viên được thể hiện mình nên các bạn trở nên mạnh dạn hơn, có trách nhiệm hơn với tập thể và tự tin trong trình bày, trao đổi cũng như bảo vệ quan điểm, ký kiến của mình

- Thuyết trình nhóm tăng cường sự gắn kết các thành viên trong lớp hơn, các thành viên chia sẻ các kiến thức đã tìm hiểu, thảo luận, đặt câu hỏi, trả lời và trình bày quan điểm của mình cùng với sự hỗ trợ của giảng viên từ đó giúp sinh viên hiểu rõ hơn về vấn đề.

- Phát huy vai trò sáng tạo của sinh viên trong quá trình học tập, sử dụng các phương pháp trình bày vấn đề đã nghiên cứu linh hoạt, hấp dẫn, thu hút người nghe.

*** Nhược điểm**

- Kết quả thuyết trình nhóm tại một số lớp còn chưa cao. Sinh viên thuyết trình còn mang tính hình thức, đối phó với yêu cầu của giảng viên. Khi thuyết trình chủ yếu là “đọc slide” là chính, mà chưa thể hiện được khả năng hiểu và diễn đạt vấn đề cho người nghe.

- Nội dung bài thuyết trình còn sơ sài: khá nhiều nhóm nội dung chủ yếu “cắt, dán” từ các tài liệu trên mạng, thậm chí có một số nhóm còn lấy nguyên bài có sẵn từ trên mạng hoặc của sinh viên khóa trước để trình bày và nộp cho giảng viên, mà chưa phải là kết quả tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu để hiểu rõ hơn vấn đề cần trình bày.

- Còn mắc nhiều lỗi trình bày văn bản: Trong các bài nộp cho giảng viên rất nhiều nhóm mắc các lỗi trình bày văn bản như: không có đề mục, kết cấu rõ ràng; font, size chữ không thống nhất; nội dung trình bày lủng củng, không có sự gắn kết với nhau.

- Chưa tập trung vào các chủ đề môn học: các nhóm chỉ tập trung vào chủ đề trình bày của nhóm, mà chưa có sự quan tâm, tìm hiểu các chủ đề còn lại của môn học, thậm chí các thành viên trong một nhóm chỉ tìm hiểu nội dung được giao, các nội dung còn lại thì phó mặc cho các thành viên khác.

- Chưa có sự quan tâm, chuẩn bị kỹ của sinh viên trong buổi thuyết trình: Mặc dù trước các buổi thuyết trình các nhóm chuẩn bị đã gửi tài liệu, cũng như kết quả của nhóm đến các thành viên trong cả lớp để tìm hiểu trước, nhưng còn một số sinh viên còn thờ ơ, chỉ tham gia cho đủ tránh sự kiểm tra, điểm danh của giảng viên.

- Hạn chế kỹ năng làm việc nhóm: đặc biệt là kỹ năng tổ chức nhóm, giải quyết xung đột, kỹ năng chia sẻ trách nhiệm, tài liệu, và hạn chế về vai trò của nhóm trưởng.

- Vẫn còn tạo kẽ hở cho một số đối tượng lười học, thiếu ý thức tự chủ trong học tập, chờ hưởng lợi từ thành tích của nhóm.

- Việc đánh giá khó có sự công bằng tuyệt đối giữa các thành viên trong nhóm, vì giảng viên không thể biết hết mức độ đóng góp của từng sinh viên, mặc dù nhóm đưa ra tỷ trọng điểm mỗi thành viên được hưởng.

***Nguyên nhân của những nhược điểm trên**

+ **Nguyên nhân khách quan:** Tổ chức lớp chưa phù hợp, do lớp đông, nên việc phân chia nhóm và tổ chức thuyết trình gặp nhiều khó khăn. Hệ thống phục vụ chưa đồng bộ, hư hỏng nhiều. Khó có thể tập trung nhóm, đa số sinh viên ở các khu vực khác nhau, ngoài ra một số sinh viên trong nhóm đăng ký lịch khác buổi, do đó khó khăn cho việc lựa chọn địa điểm cũng như thời gian học nhóm. Hạn chế về việc trao đổi giữa giảng viên. Áp lực thuyết trình nhóm từ các môn học trong cùng học kỳ: Do phương pháp thuyết trình nhóm được thực hiện ở nhiều môn học, với nội dung thuyết trình và cách thức phân chia nhóm khác nhau. Hạn chế về nguồn tài liệu tham khảo.

+ **Nguyên nhân chủ quan:** Ý thức sinh viên, một số sinh viên chưa hình thành cho mình ý thức tích cực và tự giác trong học tập. Chưa mạnh dạn trong việc trao đổi với giảng viên các vấn đề phát sinh của nhóm. Phương pháp tiến hành hoạt động nhóm của các nhóm chưa khoa học, chưa hợp lý. Một số nhóm việc thực hiện các chủ đề chỉ tập trung vào một số thành viên, các thành viên còn lại hoặc là không tham gia. Nhóm trưởng chưa thực sự phát huy được vai trò của mình. Chưa có năng lực và kỹ năng trong việc điều hành, quản lý nhóm.

2.2. Một số đề xuất, kiến nghị

Để nâng cao chất lượng thảo luận, theo tôi cần thực hiện tốt một số nội dung sau:

Thứ nhất: Lựa chọn nội dung thảo luận cho phù hợp.

Đây là yếu tố quan trọng nhất để thay đổi tư duy, nhận thức về buổi thảo luận của học viên, kích thích tính tích cực, tự giác học tập của người học, từ đó góp phần nâng cao chất lượng thảo luận.

Vấn đề đặt ra là một số giảng viên cần phải thay đổi cách lựa chọn nội dung thảo luận: thay vì sử dụng câu hỏi có trong giáo trình, giảng viên có thể dùng những câu hỏi có nội dung mang tính thời sự hoặc câu hỏi có nội dung gợi ra sự tranh luận nhằm thu hút sự chú ý, phát huy tính tích cực của học viên, khắc phục sự nhàm chán, đơn điệu của giờ thảo luận. Tuy nhiên, những câu hỏi đó phải rõ ràng, ngắn gọn, phù hợp với nội dung của bài học, phù hợp với học viên.

Thứ hai: Thời gian của một buổi thảo luận chỉ có hạn, trong khi đó vấn đề thảo luận thì nhiều vì vậy giảng viên cần phân bổ thời gian cho mỗi nội dung thảo luận hợp lý, tránh tình trạng hết thời gian mà chưa thảo luận hết nội dung.

Thứ ba: Kỹ năng đánh giá

Đánh giá có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với học viên, giảng viên. Việc đánh giá có hệ thống và thường xuyên trong thảo luận giúp cung cấp kịp thời những thông tin "liên hệ ngược" giúp người học và người dạy điều chỉnh hoạt động nhận thức và giảng dạy. Đồng thời cũng giúp học sinh nâng cao năng lực nhận thức vấn đề, phát triển tư duy sáng tạo, linh hoạt, có tinh thần trách nhiệm trong hoạt động học tập, nâng cao ý thức tự giác, khắc phục tính tự mãn

Để hoạt động đánh giá tích cực và khách quan trong khi sử dụng phương pháp chủ động giảng viên thường sử dụng phiếu bình luận khi kết thúc thảo luận nhằm khuyến khích mỗi sinh viên tham gia trực tiếp vào buổi thảo luận và hạn chế việc kìm tập trung khi các nhóm trình bày ý tưởng.

Giảng viên nên thiết kế mẫu phiếu đánh giá thảo luận cho sinh viên ghi câu hỏi và nội dung bình luận, ý kiến khẳng định và phủ định với nội dung câu hỏi trên và yêu cầu các nhóm đánh giá chéo lẫn nhau.

Giảng viên yêu cầu mỗi sinh viên tự thiết kế thẻ ghi nội dung bình luận câu hỏi mà sinh viên cảm thấy hứng thú và đưa thẻ để phát biểu. Giảng viên nên quy định số lần phát biểu mỗi thành viên tối đa 3 lần/1 giờ thảo luận. Nếu sinh viên còn muốn tham gia hơn 3 lần phải chờ luân phiên để tham gia trực tiếp hay

có thể tham gia gián tiếp bằng thẻ ghi nội dung bình luận nhằm khuyến khích các thành viên tham gia thảo luận đều có thái độ chủ động, tích cực trong bầu không khí dân chủ, công bằng như nhau.

Nếu sinh viên có ý kiến sau phân trình bày của cá nhân hoặc nhóm thì có hình thức khen thưởng thích hợp cho những thành viên tích cực tham gia. Giảng viên có thể dựa vào kết quả đánh dấu trên thẻ của mỗi sinh viên để cộng điểm quá trình khuyến khích theo số lần tham gia và chất lượng ý kiến, câu hỏi... Vì hình thức thảo luận được thể hiện dưới hình thức trò chơi nên sinh viên sẽ cảm thấy hứng thú và tích cực tham gia hơn. Ngoài ra, do thời gian có hạn, cũng như hạn chế các ý kiến không đi thẳng vào trọng tâm vấn đề thảo luận, cách này còn giúp sinh viên có sự cân nhắc, suy nghĩ cẩn thận trước phát biểu để không lãng phí số lần phát biểu của mình. Phương pháp này khuyến khích sinh viên chú ý lắng nghe, tích cực suy nghĩ và phát biểu.

Kết luận

Phương pháp dạy học là một trong những yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Để nâng cao hiệu quả phương pháp dạy học, đòi hỏi người thầy không chỉ có bản lĩnh, tri thức khoa học vững vàng mà còn phải tự mình vượt qua những thói quen cũ. Để nâng cao hiệu quả của phương pháp thảo luận nhóm trong giảng dạy đại học đòi hỏi người thầy phải làm quen với những phương tiện dạy học hiện đại, sử dụng đa dạng các phương tiện kiểm tra đánh giá mới, tiếp cận về yêu cầu giáo dục hiện đại “lấy người học làm trung tâm” với những đòi hỏi mới nhằm bồi dưỡng giáo dục và phát huy kiến thức, kỹ năng, thái độ cho người học theo chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam hiện nay thông qua việc lựa chọn phương pháp giảng dạy khuyến khích người học chủ động tham gia vào quá trình đào tạo. Vì thế, việc vận dụng sáng tạo những phương pháp dạy học đặc biệt là phương pháp thảo luận giúp học sinh chủ động, tích cực, sáng tạo trong học tập là một vấn đề rất cấp thiết. Bởi khi người Thầy vận dụng phương pháp một cách phù hợp, sáng tạo và linh hoạt chúng ta mới góp phần khắc phục những biểu hiện còn hạn chế trong nền giáo dục hiện nay đồng thời góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng

giáo dục và đào tạo để hòa nhập vào nền giáo dục quốc tế trong việc nâng cao chất lượng giáo dục và tiếp cận phương pháp giáo dục mới theo quan điểm giáo dục hiện đại. Do đó, việc nâng cao hiệu quả của phương pháp thảo luận nhóm trong giảng dạy đại học không mang tính phong trào hay hình thức mà là một định hướng đúng đắn góp phần vào chiến lược phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục ở nước ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2001), *Chiến lược phát triển Giáo dục 2001 – 2010* (ban hành kèm theo Quyết định số 201/2001/QĐ-TTg ngày 28-12-2001 của Thủ tướng Chính phủ).
2. Đặng Vũ Hoạt (2013), *Lý luận học đại học*, NXB Đại học Sư phạm.
3. Nguyễn Thị Minh Phượng, Phạm Thị Thúy (2011), *Cẩm nang phương pháp sư phạm*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Lê Vinh Quốc (2011), *Chuyên đề đổi mới dạy học theo khoa học giáo dục hiện đại*, NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Phan Thị Hồng Vinh (2010), *Phương pháp dạy học*, NXB Đại học sư phạm.

KẾT HỢP GIỮA PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TRUYỀN THỐNG VÀ HIỆN ĐẠI TRONG GIẢNG DẠY CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

ThS. Trần Thị Anh

Khoa LLCT-PL, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Email: trananhcnhn@gmail.com

Số điện thoại: 098.883.0607

Tóm tắt: Để nâng cao hiệu quả của việc dạy học các môn lý luận chính trị thì việc kết hợp nhuần nhuyễn các phương pháp dạy học truyền thống và hiện đại trong quá trình lên lớp của giáo viên là rất cần thiết. Góp phần đổi mới và ngày càng nâng cao chất lượng của môn học, tác giả bài viết này mong muốn cùng các đồng nghiệp trao đổi về cách thực hiện kết hợp các phương pháp dạy học trên lớp sao cho có hiệu quả nhất. Từ phương pháp dạy học truyền thống chủ yếu là thuyết trình cho đến các phương pháp dạy học hiện đại hay còn gọi là phương pháp dạy học tích cực đang được đề cập đến rất nhiều hiện nay.... Nhằm phát huy tính chủ động, tích cực của thầy và trò để làm sao có được những buổi học sôi nổi, bổ ích mà vẫn bảo đảm yêu cầu, mục tiêu của bài học.

Từ khóa: *Phương pháp dạy học, dạy học truyền thống, dạy học hiện đại.*

1. Khái niệm về phương pháp dạy học truyền thống và phương pháp dạy học hiện đại.

Phương pháp dạy học dạy học được hiểu theo nghĩa chung nhất đó là cách thức tổ chức, phối hợp, tương tác giữa người dạy và người học để đạt được mục đích dạy học. Có thể nói phương pháp dạy học là hệ thống những hoạt động có chủ đích của người thầy trong việc truyền tải kiến thức đến học sinh thông qua sự tương tác giữa thầy và trò.

Hiện nay ở Việt Nam đang tồn tại hai phương pháp dạy học phổ biến là phương pháp dạy học truyền thống và phương pháp dạy học hiện đại.

Phương pháp dạy học truyền thống được hiểu là những cách thức dạy học đã tồn tại từ lâu đời, được truyền qua nhiều thế hệ. Phương pháp dạy học truyền thống lấy hoạt động của người dạy làm trung tâm, người dạy đóng vai trò chủ

đạo truyền tải kiến thức đến người học. Thực hiện quá trình dạy học, người dạy chủ yếu sử dụng phương pháp thuyết trình, diễn giảng, còn người học là người nghe, nhớ, ghi chép lại và suy nghĩ theo lời thầy giảng. Giáo án dạy học thường được thiết kế chủ yếu dựa vào các hoạt động dạy của thầy từ nội dung kiến thức cho đến phương pháp thực hiện. Người dạy giữ vai trò chủ thể, người học là khách thể và tiếp thu kiến thức một cách thụ động. Dạy học theo phương pháp truyền thống làm cho giờ học dễ rơi vào tình trạng tẻ nhạt thiên về lý luận, mang tính hàn lâm mà thiếu đi kỹ năng sáng tạo, vận dụng, tìm tòi, khám phá cái mới của người học.

Phương pháp dạy học hiện đại xuất hiện vào đầu thế kỷ XX ở các nước Phương Tây (Anh, Pháp...) và Mỹ. Cho đến nay phương pháp này đã phát triển rộng khắp ra nhiều nước trên thế giới, được nhiều nước vận dụng đưa vào quá trình dạy học. Phương pháp dạy học hiện đại hay còn gọi là phương pháp dạy học tích cực, theo phương pháp này thì vai trò của người dạy và người học đã thay đổi. Thực hiện phương pháp này, quá trình dạy học lấy người học làm trung tâm, người học chủ động tìm kiếm và tiếp nhận tri thức mới và phát huy khả năng sáng tạo của mình. Còn người thầy đóng vai trò là trọng tài, cố vấn, tổ chức cho học sinh tìm kiếm, khám phá tiếp nhận tri thức và sáng tạo tri thức mới. Giáo án dạy học được thiết kế theo chiều ngang và song giữa hoạt động của thầy và hoạt động của trò. Phương pháp dạy học tích cực hiện nay được áp dụng phổ biến, đó là: đặt vấn đề và giải quyết vấn đề, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp đóng vai, phương pháp động não, phương pháp dự án.....

Ưu điểm của phương pháp hiện đại là giảm bớt thuyết trình, diễn giải nhưng nếu không dẫn dắt tốt, điều khiển, tổ chức và xử lý tốt các tình huống xảy ra thì sẽ không hệ thống và logic được kiến thức. Để thực hiện tốt được phương pháp dạy học tích cực cần phải có các phương tiện dạy học hiện đại như máy tính, mạng Internet...; học sinh phải chuẩn bị bài kỹ ở nhà, đến lớp phải mạnh dạn, tự tin trình bày quan điểm, ý kiến của mình trước tập thể, trước lớp. Về phía người dạy phải chuẩn bị kỹ bài giảng, phải lường trước những tình huống xảy ra để có

cách xử lý kịp thời, phù hợp và trong quá trình dạy phải phối hợp nhịp nhàng giữa hoạt động của thầy và hoạt động của trò để đạt mục tiêu bài giảng đề ra.

2. Thực trạng dạy và học các môn lý luận chính trị hiện nay.

Các môn lý luận chính trị là những môn học thuộc về lĩnh vực khoa học xã hội. Do vậy việc dạy và học các môn học này thường nặng về mặt lý luận, nhiều khái niệm mang tính triết lý, trừu tượng hóa, khái quát hóa cao nên khó cho cả người dạy lẫn người học. Trước đây, phần lớn giáo viên giảng dạy môn học lý luận này thường sử dụng phương pháp truyền thống mà chủ yếu sử dụng nhóm phương pháp dùng lời như thuyết trình, giải thích và thảo luận trên lớp.

Phương pháp thuyết trình là phương pháp chủ đạo đối với việc dạy học các môn khoa học xã hội. Ưu điểm của việc sử dụng phương pháp này giúp giáo viên chuyên tải được kiến thức của bài học một cách có hệ thống và logic vấn đề. Đối với người học, nếu được giao bài chuẩn bị trước để thuyết trình trước lớp thì phương pháp này giúp cho các em diễn đạt được nhận thức, hiểu biết nhất định về nội dung của bài học. Tuy nhiên sự nhận thức này cũng rất hạn chế, người học chưa thể hiểu một cách đầy đủ và sâu sắc về các khái niệm, thuật ngữ mang tính chất lý luận hàn lâm. Thông qua phần thuyết trình của học sinh mà giáo viên đánh giá được khả năng và mức độ nhận thức của các em để từ đó đưa ra nhận xét và định hướng cho học sinh. Hạn chế của phương pháp thuyết trình là sự tương tác giữa thầy và trò bị hạn chế, mang tính chất độc thoại nhiều hơn, hoạt động của thầy đóng vai trò chủ đạo, còn trò thì tiếp thu kiến thức một cách thụ động.

Phương pháp giải thích, giáo viên sử dụng khi giảng giải các khái niệm, các thuật ngữ giúp cho học sinh hiểu rõ hơn nội dung vấn đề cần nắm của bài học. Thông qua sự giảng giải của thầy mà trò có thể hiểu được một cách đầy đủ và đúng đắn ngữ nghĩa, nội dung, nội hàm của các khái niệm, định nghĩa... Phương pháp này đòi hỏi thầy phải nắm chắc kiến thức, hiểu vấn đề cặn kẽ, để giải thích. Hạn chế của phương pháp này là thầy chủ động về mặt kiến thức còn trò vẫn rơi vào tình trạng tiếp thu kiến thức một cách thụ động.

Phương pháp thảo luận là một trong những phương pháp truyền thống được sử dụng khá phổ biến trong giảng dạy các môn lý luận chính trị. Sử dụng phương pháp này, thường thì giáo viên cho học sinh, sinh viên chuẩn bị trước các chủ đề, hoặc có thể thảo luận về một vấn đề nào đó thuộc tiết học. Ưu điểm của phương pháp này giúp cho người học độc lập suy nghĩ về vấn đề đưa ra và trao đổi ý kiến, quan điểm của mình với thầy cô và các bạn. Thông qua thảo luận, thầy cũng hiểu được khả năng nhận thức và giải quyết, vận dụng vấn đề đặt ra. Hạn chế của giáo viên giảng dạy các môn lý luận chính trị khi vận dụng phương pháp này là thời gian hạn hẹp, lớp học tổ chức số lượng đông, thậm chí có nơi học ở giảng đường hàng trăm sinh viên. Bản thân học sinh, sinh viên cũng không hứng thú với các môn lý luận, nhất là khối ngành kỹ thuật, vì vậy để tổ chức buổi thảo luận có hiệu quả không dễ dàng.

Ngày nay, dạy và học các môn lý luận chính trị các giáo viên đã có nhiều đổi mới. Trong quá trình dạy học, nhiều thầy cô đã áp dụng phương pháp dạy học hiện đại- phương pháp dạy học tích cực và đã đem lại sự thay đổi đáng kể trong quá trình dạy học. Thực hiện phương pháp dạy học tích cực, các thầy cô giáo đã sử dụng phổ biến phương pháp đặt vấn đề và giải quyết vấn đề, phương pháp làm việc nhóm....trong thảo luận, làm bài thuyết trình hay làm Slide về một nội dung nào đó của bài học. Tuy nhiên phần lớn các em làm Slide chưa có sự đầu tư nhiều trong việc tìm tòi kiếm thức, chưa có sự phản biện, thậm chí trong nhóm còn chưa có sự hợp tác của các thành viên, có nhóm chỉ có một hoặc hai thành viên làm chứ chưa có sự tham gia tích cực của tất cả các thành viên. Các em chỉ quan tâm đến phần mà nhóm mình được giao chứ chưa quan tâm nhiều đến phần của nhóm khác, vì vậy khả năng hiểu được nội dung tổng thể của bài bị hạn chế nếu không được thầy cô giảng lại. Nếu thầy cô cho học sinh, sinh viên trình bày nội dung giao cho các em tìm hiểu rồi vẫn phải giảng lại thì không đảm bảo về mặt thời gian, nếu không giảng lại thì các em không hiểu được đúng và đủ nội dung kiến thức cần có. Sinh viên học cải thiện đã phản nànkhi giáo viên giao cho các nhóm làm slide rồi đánh giá kết quả thông qua hoạt động của nhóm nên các em chỉ quan tâm đến bài nhóm mình được giao mà

không để ý nhiều đến phần của nhóm khác. Hạn chế này theo tôi là do nguyên nhân sau:

- Phần lớn học sinh, sinh viên học các môn lý luận chính trị ở năm thứ nhất nên còn nhiều hạn chế vẫn còn ảnh hưởng nhiều theo cách học ở phổ thông, chưa chủ động trong việc tự học, tự nghiên cứu bài ở nhà.
- Các em thiếu phương tiện như máy tính cá nhân, nguồn tài liệu ở thư viện nhà trường về môn học cũng rất hạn chế nên việc tìm hiểu về môn học cũng gặp nhiều khó khăn.
- Chủ yếu các em theo học ở trường Đại học Công nghiệp theo khối ngành kỹ thuật nên quan niệm về môn lý luận chính trị chỉ là môn phụ nên cũng không đầu tư nhiều cho việc học, mà học chỉ cần qua môn...

Với các nguyên nhân trên thì việc vận dụng hoàn toàn phương pháp dạy học hiện đại cũng khó đạt hiệu quả mong muốn vì các em vẫn nhận thức chủ yếu dựa vào kiến thức truyền đạt trực tiếp từ thầy cô.

3. Giải pháp kết hợp các phương pháp trong giảng dạy các môn lý luận chính trị hiện nay.

Mỗi phương pháp dạy học truyền thống hay hiện đại đều có ưu điểm và hạn chế nhất định, không có phương pháp nào là tối ưu và được áp dụng cho tất cả các bài giảng của các môn lý luận chính trị. Vì vậy, trong quá trình dạy học chúng ta không nên quá đề cao một phương pháp nào mà cần phải biết phát huy những ưu điểm và khắc phục những hạn chế của các phương pháp dạy học bằng cách kết hợp và lựa chọn những phương pháp phù hợp với từng bài giảng, từng đối tượng học cụ thể, có nội dung áp dụng phương pháp dạy học truyền thống thì có hiệu quả hơn, nhưng có phần thì áp dụng phương pháp hiện đại lại phát huy tác dụng cao hơn. Trong một buổi học môn chính trị với thời lượng 5-6 tiết nếu chỉ áp dụng các phương pháp dạy học truyền thống thì buổi học dễ rơi vào tình trạng mệt mỏi và buồn tẻ... nên cần có khoảng thời gian nhất định làm thay đổi không khí học tập bằng cách cho trò hoạt động. Để làm được điều này thì áp dụng phương pháp hiện đại mang lại hiệu quả cao hơn. Như vậy, để việc dạy học đạt được kết quả tốt nhất, cần phải kết hợp đa dạng các phương pháp dạy

học truyền thống và hiện đại. Để việc dạy học đạt quả cao chúng ta cần thực hiện các bước sau:

1. Giáo viên cần nghiên cứu kỹ nội dung, bố cục của bài học để lựa chọn các phương pháp dạy học phù hợp.
2. Tách nội dung bài học thành từng phần nhỏ xét xem mỗi nội dung đó sử dụng phương pháp nào là tối ưu nhất, tức là giúp cho người học hiểu được bài học và cái cần phải biết được, làm được là gì.
3. Phải căn cứ vào nội dung của bài xem phần nào bắt buộc giáo viên phải thuyết trình, giải thích để người học hiểu được, phần nào người học có thể tự đọc, tự tìm hiểu được thì giao cho người học chủ động tìm hiểu ở nhà, có thể sử dụng phương pháp chia nhóm và một vấn đề nên có ít nhất là hai nhóm thực hiện thì mới có sự so sánh, phản biện.
4. Kết hợp giữa thuyết trình và sử dụng slide trình chiếu các mô hình, sơ đồ hóa và các tư liệu cần thiết để sinh viên hiểu bài hơn.
5. Để kích thích sự tìm tòi, suy nghĩ của người học cần kết hợp phương pháp động não, làm việc theo nhóm và giải thích. Chẳng hạn chia thành hai nhóm đối lập cùng tìm hiểu về một nội dung nào đó của bài sau đó các nhóm phải đưa ra được câu hỏi cho đối phương trả lời.
6. Cho các nhóm đánh giá, nhận xét về câu hỏi và câu trả lời mà các nhóm đã đưa ra, giáo viên đóng vai trò trọng tài định hướng và đánh giá, kết luận cuối cùng đối với các vấn đề của bài.
7. Giáo viên tổng kết lại và nhấn mạnh nội dung chính của bài, những ý nghĩa lý luận mà bài học đem lại trong hoạt động nhận thức, hoạt động thực tiễn để người học hiểu vấn đề sâu sắc hơn.

Trên đây là một số bước thực hiện việc kết hợp các phương pháp dạy học truyền thống và phương pháp dạy học hiện đại được rút ra từ quá trình hoạt động giảng dạy của bản thân tác giả cùng với quá trình tham dự các hoạt động của các đồng nghiệp. Với bài viết này tác giả mạnh dạn nêu ra thực trạng và đề

xuất giải pháp thực hiện kết hợp các phương pháp để các thầy cô dạy chính trị tham khảo và cùng đóng góp để việc dạy và học của chúng ta ngày càng hoàn thiện hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Phương pháp dạy học truyền thống và phương pháp dạy học hiện đại.
<http://tienganh1.viettelstudy.vn/viettel/public/thu-vien/phuong-phap-day-hoc-truyen-thong-va-phuong-phap-day-hoc-hien-dai-3524.html>.
2. Loại bỏ hay đổi mới phương pháp dạy học truyền thống.
<http://dantri.com.vn/ban-doc/loai-bo-hay-doi-moi-phuong-phap-giang-day-truyen-thong-1298225393.htm>
3. Một số phương pháp dạy học tích cực.
<https://text.123doc.org/document/2728079-mot-so-phuong-phap-day-hoc-tich-cuc-p2.htm>
4. Một số phương pháp dạy học tích cực- 01/12/2009.PGS.TS Vũ Hồng Tiến-
<http://donga.edu.vn/Bai viet/Dayhoc/tabid/466/cat/309/ArticleDetailId/1124/ArticleId/1122/Default.aspx>.- Donga.edu.vn.
5. Kỷ yếu hội thảo khoa học: Đổi mới phương pháp giảng dạy sinh viên kế toán trong điều kiện đào tạo theo học chế tín chỉ đáp ứng nhu cầu xã hội. Năm 2013. Khoa Kế toán kiểm toán- Trường ĐHCN Hà Nội.

VẤN ĐỀ DÂN CHỦ TRONG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI XII

Trần Thị Thúy Chinh

Khoa Lý luận Chính trị - Pháp luật

Email: chinhtranthuy@yahoo.com

Số điện thoại: 0988179939

TÓM TẮT

Đại hội lần thứ XII được đánh giá là Đại hội “đổi mới” lần 2 của Đảng, bởi trong Văn kiện của Đại hội có nhiều điểm mới, nổi bật là vấn đề dân chủ được đặt lên hàng đầu. Cụm từ “Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa” được đưa vào chủ đề của đại hội và nhắc lại nhiều lần – đây là điểm mới mà các Văn kiện trước chưa đề cập. Trong phương châm của Đại hội thì “Dân chủ” cũng là một thành tố quan trọng. Điều này thể hiện vị trí của vấn đề dân chủ trong sự nghiệp cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Do đó, việc nghiên cứu vấn đề này để vận dụng vào thực tiễn cuộc sống là nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết.

Từ khóa: Vấn đề dân chủ, Đại hội XII

NỘI DUNG

1. Vị trí vấn đề dân chủ trong Văn kiện XII

Vấn đề dân chủ là một nội dung quan trọng trong Văn kiện Đại hội XII của Đảng. Ngay trong chủ đề của Đại hội, thành tố “Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa”¹, được xếp ở vị trí quan trọng thứ hai trong chủ đề. Cụm từ phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa được đưa vào chủ đề của đại hội và nhắc lại nhiều lần – đây là điểm mới mà các Văn kiện trước chưa đề cập. Trong phương châm của Đại hội thì dân chủ cũng là một thành tố quan trọng: “Đoàn kết, dân chủ, kỷ cương, đổi mới”. Điều này thể hiện vị trí quan trọng của dân chủ trong sự nghiệp cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Bên cạnh chủ đề Đại hội, vấn đề dân chủ được trình bày thành một mục độc lập trong phần XIII của Báo cáo chính trị với tiêu đề: “Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo thực hiện quyền làm chủ nhân dân”², khác với Văn

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb CTQG, H 2016, tr 1.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb CTQG, H 2016, tr 166.

kiện Đại hội XI dân chủ được trình bày gắn với nội dung phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc. Đây là điểm mới cho thấy vấn đề dân chủ trở nên cấp thiết, then chốt cần được chú ý quan tâm trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra trong chiến lược phát triển những năm tới.

Trong văn kiện Đại hội XII, việc “hoàn thiện, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ nhân dân”³ được xem là một trong mục tiêu, nhiệm vụ của Đại hội XII trong 5 năm tới. Ngoài ra vấn đề dân chủ còn được đề cập đến trong các nội dung về: “Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa”⁴; “Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng”⁵ và một trong 6 nhiệm vụ trọng tâm⁶.

Như vậy, trong Văn Kiện Đại hội XII vấn đề dân chủ chiếm một vị trí khá quan trọng, từ chủ đề Đại hội, đến các nội dung trình bày trong Văn kiện. Điều này cho thấy, hơn bao giờ hết, ở Việt Nam hiện nay việc hoàn thiện, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa là mục tiêu, là yếu tố quan trọng đảm bảo sự thành công của công cuộc xây dựng CNXH.

2. Những nội dung nổi bật về vấn đề dân chủ trong Văn kiện XII.

- *Thứ nhất*, tiếp tục khẳng định những quan điểm trước đó về dân chủ xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là cụ thể hóa quan điểm được trình bày trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011)*: “Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực. Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật đảm bảo”⁷. Trong Báo cáo chính trị Đại hội XII Đảng ta xác định: “Hoàn thiện, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân”⁸ là một trong những nhiệm vụ tổng quát trong 5 năm tới. Việc bổ sung thành tố: Hoàn thiện,

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb CTQG, H 2016, tr 79.

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb CTQG, H 2016, tr 171.

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb CTQG, H 2016, tr 181.

⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb CTQG, H 2016, tr 219.

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb CTQG, H 2011, tr 84 - 85.

⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb CTQG, H 2016, tr 79.

phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân trong mục nhiệm vụ 5 năm tới thể hiện sự nhận thức sâu sắc, đầy đủ của Đảng không chỉ về bản chất của nền dân chủ XHCN, mà còn về vai trò to lớn của dân chủ, vì không phát huy dân chủ, không phát huy quyền làm chủ của nhân dân sẽ không có CNXH.

- *Thứ hai*, trong Văn kiện Đại hội XII, ở mục XIII: “Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo thực hiện quyền làm chủ nhân dân”, đã đánh giá một cách khá đầy đủ về tình hình thực hiện dân chủ trong những năm qua.

Những thành tựu và nguyên nhân

Văn kiện đánh giá: “Đảng và Nhà nước tiếp tục ban hành nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật nhằm phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được xác định đầy đủ hơn trong Hiến pháp năm 2013 và trong hệ thống pháp luật mới được ban hành và sửa đổi. Khẳng định rõ các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật; gắn quyền công dân với nghĩa vụ và trách nhiệm đối với xã hội. Ý thức về quyền và nghĩa vụ công dân, năng lực làm chủ, tham gia quản lý xã hội của nhân dân, ý thức về dân chủ trong xã hội được nâng lên. Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn có tiến bộ. Quyền làm chủ của nhân dân được phát huy tốt hơn trong các lĩnh vực của đời sống xã hội bằng dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện, nhất là trong lĩnh vực chính trị và kinh tế. Nhiều cấp ủy đảng, chính quyền đã lắng nghe, tăng cường tiếp xúc, đối thoại với nhân dân, tôn trọng các ý kiến khác nhau. Coi trọng chăm lo hạnh phúc và sự phát triển toàn diện của con người, bảo vệ và bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của con người, tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà nước ta ký kết”⁹.

Đồng thời, Văn kiện cũng xác định những nguyên nhân của thành tựu là do: “Đảng và Nhà nước coi trọng việc đề ra và tổ chức chỉ đạo thực hiện nhiều

⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb CTQG, H 2016, tr 166.

chủ trương, chính sách, pháp luật, quy chế, quy định mới nhằm phát huy hơn nữa dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Hiến pháp năm 2013 quy định rõ: Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân”¹⁰.

Những hạn chế và nguyên nhân

Trong Văn kiện, Đảng ta cũng chỉ ra những hạn chế và khuyết điểm trong việc thực hiện dân chủ: “Tình trạng tách rời, thậm chí đối lập giữa dân chủ và kỷ cương pháp luật trong xây dựng và thực hiện dân chủ còn tồn tại nhiều nơi. Quyền làm chủ nhân dân ở nhiều nơi, nhiều lĩnh vực còn bị vi phạm. Có lúc, có nơi việc thực hiện dân chủ còn nhiều hạn chế hoặc mang tính hình thức; tình trạng lợi dụng dân chủ gây chia rẽ, làm mất đoàn kết nội bộ, gây rối ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội”¹¹.

Đồng thời, Văn kiện cũng xác định những nguyên nhân của hạn chế và khuyết điểm nêu trên là do: “Hệ thống pháp luật, cơ chế, quy chế, tổ chức và các điều kiện để thực thi dân chủ, quyền làm chủ nhân dân còn thiếu và chưa đồng bộ. Không ít cấp ủy đảng, cơ quan nhà nước, cán bộ, đảng viên chưa là tấm gương về phát huy dân chủ trong xã hội”¹².

Thứ ba, để khắc phục hạn chế và tiếp tục phát huy dân chủ tốt hơn, Văn kiện đã xác định các phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp để thực hiện trong thời gian đến.

- Quán triệt tinh thần Đại hội XI, trong Văn kiện Đại hội XII tiếp tục khẳng định: “Tiếp tục phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân”¹³. Đây là quan điểm nhất quán của Đảng, phản ánh sâu sắc bản chất chế độ dân chủ nước ta đã được hiến định trong Hiến pháp năm 2013: “Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân”¹⁴, “Nước cộng hòa

¹⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb CTQG, H 2016, tr 167.

¹¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb CTQG, H 2016, tr 168.

¹² Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb CTQG, H 2016, tr 168.

¹³ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb CTQG, H 2016, tr 169.

¹⁴ Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, NXB CTQG ST, H 2015, tr 9.

xã hội chủ nghĩa Việt Nam do nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân...”¹⁵.

- Thể chế hóa và nâng cao chất lượng các hình thức thực hiện dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện.

Điều 6 Hiến pháp (sửa đổi, bổ sung năm 2013) quy định: Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và các cơ quan khác của Nhà nước.

- Văn kiện khẳng định: Phát huy dân chủ trong Đảng là hạt nhân để phát huy đầy đủ dân chủ trong xã hội.

- Phát huy quyền làm chủ của nhân dân thông qua các tổ chức chính trị - xã hội.

Trong Văn kiện đại hội XII ghi rõ: “Đẩy mạnh dân chủ hóa xã hội để phát huy quyền làm chủ của nhân dân, vai trò chủ động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Tổ chức thực hiện tốt Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; Quy định về giám sát đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và các quy định, quy chế khác”¹⁶.

Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa là công việc ngày càng được Đảng ta coi trọng, vì rằng dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, động lực của sự nghiệp phát triển đất nước. Trên cơ sở kế thừa những thành tựu về nhận thức cũng như một số vấn đề đặt trong hoạt động thực tiễn, trong Văn kiện đại hội XII lần này, Đảng ta đã bổ sung thêm nhiều điểm mới để làm sáng tỏ thêm về vấn đề này và phù hợp với xu thế phát triển của đất nước trong giai đoạn mới.

3. Vận dụng vấn đề Dân chủ trong Văn kiện Đại hội XII vào hoạt động giảng dạy

Vấn đề dân chủ trình bày trong Văn kiện Đại hội XII cần được vận dụng vào giảng dạy nhiều nội dung trong các môn học lý luận chính trị hệ đại học và

¹⁵ Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, NXB CTQG ST, H 2015, tr 9.

¹⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb CTQG, H 2016, tr 170.

cao đẳng. Tuy nhiên, trong khuôn khổ bài viết này, tôi chỉ tiếp cận vận dụng vấn đề dân chủ trong văn kiện XII vào bài “Những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng XHCN”, thuộc môn học Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin, mà cụ thể là khai thác, vận dụng vào giảng dạy nội dung **“Xây dựng nền dân chủ XHCN và nhà nước XHCN”** [2, tr416].

Thứ nhất, nhìn một cách tổng thể (chung nhất), với nhiều điểm mới được trình bày trong Văn kiện – là cơ sở lý luận và thực tiễn sinh động để khẳng định nhất quán quan điểm của Đảng ta trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển 2011)*: “Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa động lực của sự nghiệp phát triển đất nước”. Vận dụng quan điểm này vào giảng dạy vấn đề “Bản chất nền dân chủ xã hội chủ nghĩa”. Điều này giúp cho sinh viên hiểu rõ hơn bản chất của nền dân chủ XHCN – nền dân chủ tiến bộ nhất trong lịch sử.

Thứ hai, trong phần đánh giá tình hình phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo thực hiện quyền làm chủ của nhân dân (trang 166 – 168), là cơ sở lý luận và thực tiễn vận dụng vào việc nghiên cứu, giảng dạy để làm sáng tỏ thực trạng việc thực hiện dân chủ ở Việt Nam trong quá trình đổi mới. Giúp cho sinh viên hiểu rõ hơn từ lý luận của Chủ nghĩa Mác – Lênin về dân chủ; bản chất của dân chủ XHCN và việc thực hiện dân chủ XHCN được thể hiện cụ thể trong thực tiễn sinh động ở Việt Nam. Trên cơ sở đánh giá chung của Văn kiện, trong giảng dạy cần tập trung làm sáng tỏ thực trạng việc thực hiện dân chủ (trong 30 năm đổi mới) đầy đủ, toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa – xã hội. Đây là điều cần thiết trong quá trình giảng dạy, giúp cho sinh viên nhận thức một cách đúng đắn việc thực hiện dân chủ ở VN hiện nay, những thành tựu và hạn chế trong thực thi dân chủ. Nhận thức được về vấn đề này giúp sinh viên tránh được cái nhìn lệch lạc cũng như những đánh giá phiến diện về tình hình dân chủ trong nước, có khả năng “đề kháng” để chống lại âm mưu của các thế lực thù địch, lợi dụng sự thiếu hiểu biết của sinh viên về vấn đề dân chủ trong nước để tuyên truyền, nói xấu chế độ xã hội.

Thứ ba, ở các nội dung xác định phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp trình bày trong Văn kiện (trang 169 - 170) là cơ sở lý luận và thực tiễn để vận dụng vào việc giảng dạy, làm rõ nội dung Phương hướng và giải pháp thực hiện chủ ở Việt Nam hiện nay. Trên tinh thần của Văn Kiện, trong quá trình nghiên cứu, giảng dạy cần tập trung làm sáng tỏ những vấn đề cơ bản sau:

- Một là, điều kiện, yêu cầu, phương thức để xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa để Nhà nước ấy bảo đảm quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân, mọi chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đều xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân. Điều này giúp cho SV hiểu rõ hơn, bản chất và mục đích tối thượng của Nhà nước XHCN là mang đến quyền lực thực sự thuộc về nhân dân.

- Hai là, điều kiện, yêu cầu, phương thức để thực hiện tốt nguyên tắc “dân chủ đại diện”, nguyên tắc “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” ở Việt Nam hiện nay. Điều này giúp cho sinh viên ý thức được quyền và nghĩa vụ của mình trong thực thi dân chủ, thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Thứ tư, vận dụng vấn đề dân chủ trong Đại hội XII vào giảng dạy môn học góp phần tăng cường phương pháp giảng dạy tích cực gắn lý thuyết với thực tiễn để bài giảng trở nên hấp dẫn, sinh động hơn. Đây là cơ sở để sinh viên có thể đối chiếu, so sánh, kiểm nghiệm lý luận chủ nghĩa Mác – Lênin trong thực tiễn dân chủ ở Việt Nam. Đồng thời dựa vào lý luận Mác – Lênin để có những đề xuất, đóng góp vào phương hướng, giải pháp thực thi dân chủ ở nước ta hiện nay.

Tóm lại, Trong Văn kiện đại hội lần thứ XII, vấn đề dân chủ là một trong những nội dung cốt lõi và xuyên suốt, điều này không chỉ thể hiện ở vị trí và nội dung của vấn đề dân chủ trình bày trong Văn kiện, mà hơn thế nữa, các nội dung khác của Văn kiện cũng nhằm mục đích hướng tới là thực hiện dân chủ. Trong việc vận dụng Văn kiện Đại hội XII nói chung, vấn đề dân chủ nói riêng vào giảng dạy không chỉ là trích dẫn các nội dung của Văn kiện, mà trên nền tảng, tinh thần, nội dung của Văn kiện, đòi hỏi người giảng viên trong giảng dạy, bằng năng lực và sáng tạo khoa học của mình không ngừng làm phong phú,

sáng tỏ, sâu sắc thêm trên nền tảng cơ sở lý luận khoa học và thực tiễn sinh động của sự vận động xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb CTQG, H 2016.
2. Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin, nxb CTQG, H 2009.

VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ KINH TẾ TƯ NHÂN TẠI ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ XII VÀO QUÁ TRÌNH GIẢNG DẠY CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

TS. Nguyễn Văn Sơn

Khoa LLCT - PL, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Email: nguyensonhauui1@gmail.com

Số điện thoại: 098453296

TÓM TẮT

Đại hội lần thứ XII của Đảng khẳng định: “Kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là những quan điểm mới so với các kỳ Đại hội trước. Những quan điểm của Đảng trong Đại hội XII về phát triển kinh tế tư nhân phải được vận dụng sáng tạo vào quá trình giảng dạy với sinh viên trường ĐHCNHN. Đối tượng giảng dạy của sinh viên Trường ĐHCNHN là các sinh viên không chuyên ngành Mác – Lênin đa số thuộc khối kỹ thuật, do vậy các phương pháp áp dụng sao cho phù hợp như: trực quan, phát vấn, giao bài tập, thảo luận... để đem lại hiệu quả cao nhất.

Từ khóa: Kinh tế tư nhân, Đại hội XII, giảng dạy

1. Thực tiễn giảng dạy môn lý luận tại trường ĐHCNHN

Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lênin là môn học mang tính trừu tượng và khái quát cao, trong khi đối tượng sinh viên học môn này là sinh viên năm thứ nhất, tư duy mang tính trực quan, kiến thức thực tiễn, kinh nghiệm sống còn hạn chế... nên việc tiếp thu, hiểu cặn kẽ những nguyên lý đó là rất khó khăn. *Thứ nhất*, về mặt tài liệu giáo trình.

Hiện nay, khoa lý luận chính trị sử dụng hai giáo trình chính là giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin của Bộ giáo dục và đào tạo phát hành dành cho sinh viên các trường Cao đẳng và Đại học không chuyên ngành Mác – Lênin và giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin của Trường ĐHCNHN biên soạn. Trong cả hai giáo trình tại chương 8, phần Chủ nghĩa xã hội khi nói về mục tiêu, phương hướng trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta chỉ nói về quan điểm của Đảng là: “xây dựng nền

kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” [1, tr.237]. Trong nền kinh tế này thì một đặc trưng quan trọng là phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó có kinh tế tư nhân ở nước ta. Tuy nhiên, các chủ trương, chính sách liên quan đến các thành phần kinh tế không có trong cả hai giáo trình.

Do vậy, trong quá trình giảng dạy, giảng viên cần cung cấp bổ sung, mở rộng kiến thức về những quan điểm, chủ trương của Đảng về các thành phần kinh tế đặc biệt là kinh tế tư nhân một thành phần phát triển năng động ở nước ta với các quan điểm mới nhất trong Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XII để sinh viên hiểu và vận dụng vào thực tiễn.

Thứ hai, về mặt phương pháp giảng dạy.

Giảng viên hiện nay, vẫn còn vẫn sử dụng phương pháp thuyết trình có tính chất thông tin một chiều, thuyết trình dài dòng, độc thoại. Do đó phần nào đó không phù hợp với đối tượng sinh viên nhà trường.

Với đặc thù là một trường kỹ thuật đa số sinh viên quen với máy móc, công thức tính toán, các em không quen học các môn lý luận chính trị vốn khô khan, trừu tượng dẫn đến có em ngại học lý luận. Nguyên nhân là do lớp ghép quá đông >100 sinh viên khó tổ chức thảo luận, làm việc nhóm, hoặc giáo viên ngại thay đổi phương pháp.

2. Vận dụng quan điểm của Đảng về kinh tế tư nhân tại Đại hội lần thứ XII vào quá trình giảng dạy cho sinh viên trường ĐHCNHN.

Một là, quan điểm của Đảng về vị trí, vai trò của kinh tế tư nhân trong Đại hội XII

Trước thời kỳ đổi mới, chúng ta duy trì cơ chế tập trung, quan liêu bao cấp với cơ cấu gồm hai thành phần kinh tế là quốc doanh và tập thể, đồng thời xóa bỏ đi các thành phần kinh tế khác trong đó có kinh tế tư nhân. Chính điều này, đã dẫn đến vi phạm quy luật khách quan là quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất và làm cho sản xuất không phát triển được đẩy nước ta lâm vào cuộc khủng hoảng về kinh tế - xã hội.

Đại hội lần thứ VI của Đảng đánh dấu bước ngoặt trong công cuộc đổi mới xây dựng CNXH ở nước ta. Đại hội đã phê phán những tư tưởng chủ quan

nóng vội như: “Biểu hiện nóng vội muốn xóa bỏ ngay các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa nhanh chóng biến kinh tế tư bản tư nhân thành quốc doanh” [2, tr.82]. Đại hội đã thừa nhận sự tồn tại của nhiều thành phần kinh tế ở nước ta bao gồm 1).Thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa là kinh tế quốc doanh, tập thể bộ phận kinh tế gia đình gắn liền với kinh tế quốc doanh và tập thể. 2.)thành phần kinh tế phi XHCN gồm kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước và kinh tế tự nhiên, tự cấp tự túc. Từ Đại hội VI kinh tế tư nhân đã được thừa nhận tồn tại khách quan trong nền kinh tế, tuy nhiên còn có sự phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế, những hạn chế đó dần được khắc phục trong các kỳ đại hội tiếp theo. Tiếp tục sự nghiệp đổi mới năm 1988 Bộ chính trị đã ban hành Nghị quyết số 10 xác định hộ nông dân là đơn vị tự chủ, từ đó dẫn đến đổi mới cơ bản trong quản lý các hợp tác xã ở nước ta tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân trong nông nghiệp phục hồi và phát triển. Đây là sự đổi mới có tính đột phá trong nông nghiệp mở đường cho sự phát triển kinh tế tư nhân sau này.

Đến Hội nghị Trung ương 2 khóa 7 năm 1992 đã xác định: Kinh tế tư nhân được phát triển, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất, theo sự quản lý hướng dẫn của Nhà nước, trong đó, kinh tế cá thể và tiểu chủ có phạm vi hoạt động ở những nơi chưa có điều kiện tổ chức kinh tế tập, hướng kinh tế tư bản tư nhân phát triển theo hướng tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức. Như vậy đến Hội nghị này kinh tế tư nhân tiếp tục được nới rộng phạm vi hoạt động không chỉ trong lĩnh vực nông nghiệp mà cả các lĩnh vực khác mà kinh tế tập thể chưa có điều kiện phát triển.

Tiếp tục sự nghiệp đổi mới, đến Đại hội lần thứ IX Đảng chỉ rõ” khuyến khích phát triển kinh tế tư bản tư nhân rộng rãi trong những ngành, nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm. Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi về chính sách, pháp lý để kinh tế tư nhân phát triển trên những định hướng ưu tiên của Nhà nước, kể cả đầu tư ra nước ngoài; khuyến khích chuyển doanh nghiệp cổ phần, bán cổ phần cho người lao động, liên doanh, liên kết với nhau,

với kinh tế tập thể và kinh tế nhà nước. Xây dựng quan hệ tốt giữa chủ doanh nghiệp và người lao động” [3, tr.31].

Đại hội X kinh tế tư nhân tiếp tục khẳng định vị thế trong nền kinh tế, không chỉ là một bộ phận cấu thành, tồn tại lâu dài mà còn trở thành động lực cho sự phát triển kinh tế. Đại hội khẳng định:” Kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế” [4, tr.83]. Đại hội XI chúng ta đã đưa ra các chủ trương chính sách để khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển nhằm trở thành động lực của nền kinh tế “hoàn thiện cơ chế chính sách để kinh tế tư nhân trở thành một động lực của nền kinh tế” [5, tr.101].

Đại hội XII đã có bước đột phá về kinh tế tư nhân khi khẳng định kinh tế tư nhân không chỉ là một động lực mà còn là động lực quan trọng của nền kinh tế, nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để kinh tế tư nhân phát triển. Đại hội khẳng định: “Hoàn thiện cơ chế chính sách, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi phát triển mạnh kinh tế tư nhân ở hầu hết các ngành và lĩnh vực kinh tế, trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp” [6, tr.107]. Cụ thể hóa các quan điểm của Đảng Nghị quyết Trung ương năm khóa XII đã đưa ra nhiều quan điểm mới về kinh tế tư nhân:

*Về vai trò của kinh tế tư nhân

Xác định rõ hơn và nhấn mạnh việc *phát triển kinh tế tư nhân lành mạnh theo cơ chế thị trường là yêu cầu tất yếu, khách quan, vừa cấp thiết, vừa lâu dài ...* Quan điểm mới này nhằm tiếp tục khẳng định, cụ thể hóa rõ hơn nhận thức, tư duy nhất quán và liên tục phát triển của Đảng đối với phát triển kinh tế tư nhân. Phát triển kinh tế tư nhân phải được thực hiện một cách đồng bộ, tổng thể cùng với các giải pháp cải cách doanh nghiệp nhà nước, cải cách hành chính công và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; do đó, Nghị quyết xác định: *Phát triển kinh tế tư nhân là một phương sách quan trọng để huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển và giải phóng sức sản xuất.*

Nghị quyết xác định: “*Kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể cùng với kinh tế tư nhân là nòng cốt để phát triển một nền kinh tế độc lập, tự chủ*” [7.tr.3].

*** Định hướng cho phát triển kinh tế tư nhân cho phù hợp với bối cảnh và điều kiện mới**

- Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân phát triển nhanh, bền vững cả về số lượng, quy mô, chất lượng và tỉ trọng đóng góp trong GDP.

- Xoá bỏ mọi rào cản, định kiến, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế tư nhân lành mạnh và đúng định hướng. Phát huy mặt tích cực có lợi bên cạnh kiểm tra, thanh tra, giám sát, kiểm soát

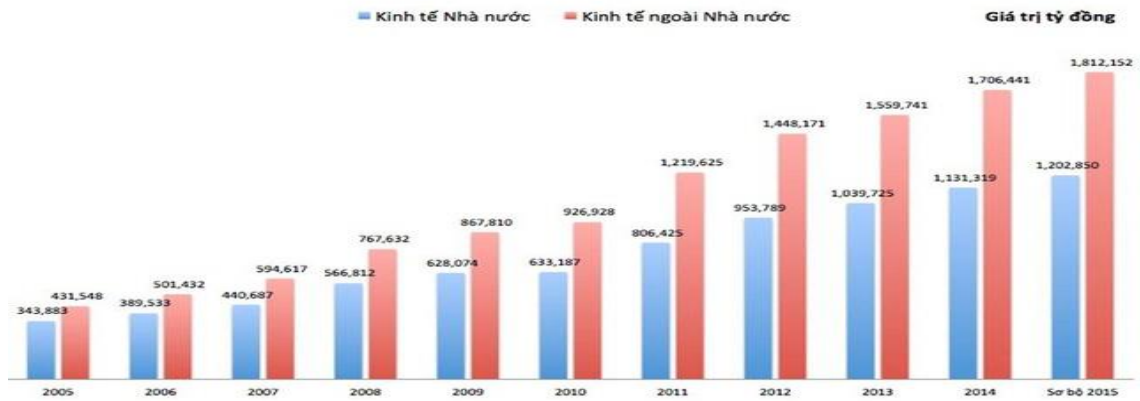
- Kinh tế tư nhân được phát triển ở tất cả các ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm. Phát huy phong trào khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Khuyến khích hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân đa sở hữu và tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước

- Khuyến khích kinh tế tư nhân tham gia góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp nhà nước khi cổ phần hoá hoặc Nhà nước thoái vốn.

Như vậy, kinh tế tư nhân ngày càng khẳng định được vị thế của mình trong nền kinh tế; từ chỗ, được thừa nhận, mở rộng địa bàn hoạt động, tồn tại lâu dài trong nền kinh tế, trở thành động lực cho nền kinh tế và hiện nay là một động lực quan trọng của nền kinh tế. Thực tiễn đã chứng minh quan điểm của Đảng về kinh tế tư nhân là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan là quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất ở nước ta.

Theo tác giả phạm Chi Lan [8] kinh tế tư nhân đã tăng trưởng mạnh trong những năm qua, cao hơn so với kinh tế nhà nước thể hiện qua biểu đồ.

Biểu đồ tăng trưởng của KTNN và KT ngoài NN từ 2005 đến 2015



Nguồn số liệu từ Tổng cục Thống kê

Không chỉ có tốc độ tăng trưởng cao mà số lượng các doanh nghiệp tư nhân cũng tăng lên nhanh chóng nhờ đó đã tạo ra nhiều công ăn việc làm và đóng góp cho sự tăng trưởng của nền kinh tế. Theo tác giả Hoàng Xuân Hòa thì: “năm 2002, số lượng doanh nghiệp thành lập mới chỉ có 21.700 doanh nghiệp, đến năm 2010 đã có 89.187 doanh nghiệp, năm 2015 là 94.800 doanh nghiệp năm 201 là 110.000 doanh nghiệp tăng 5 lần so với năm 2002 với nhiều loại hình phong phú và đa dạng” [9, tr.144].

Khu vực kinh tế tư nhân cũng góp phần thu hút nhiều lao động và tăng dần qua các năm: “Năm 2005 có khoảng 3,5 triệu lao động, năm 2010 là 4,2 triệu, năm 2014 là 7,1 triệu và năm 2015 là 7,5 triệu tăng 2 lần so với năm 2002” [9, tr.148]. Với sự phát triển năng động có hiệu quả của khu vực kinh tế tư nhân, trong quá trình phát triển kinh tế tư nhân đã hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân lớn Ví dụ như Vingroup, Hòa Phát, TH True Milk, Masan, SunGoup.. các tập đoàn này có sức mạnh lan tỏa và làm động lực cho khu vực kinh tế tư nhân và cả nền kinh tế.

Bên cạnh đó đa số các doanh nghiệp tư nhân là vừa và nhỏ do vậy nhà nước đã có “chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ vừa và doanh nghiệp khởi nghiệp”.

Tóm lại, sự phát triển mạnh mẽ của khu vực kinh tế tư nhân những năm qua có nhiều nguyên nhân mà trước hết là sự cởi trói, đổi mới về cơ chế chính sách của Đảng và Nhà nước.

Hai là, về phương pháp.

Giáo viên cần vận dụng tích hợp các phương pháp để truyền đạt giảng dạy cho phù hợp với sinh viên nhà trường và mang lại hiệu quả tốt nhất. Người giảng viên cần linh hoạt, mềm dẻo để đạt hiệu quả khi truyền thụ cho sinh viên về quan điểm kinh tế tư trong Văn kiện Đại hội XII của Đảng.

Để một bài giảng hay trong giảng dạy cần kết hợp đa dạng các phương pháp giảng dạy, cụ thể là:

+ Sử dụng phương pháp trực quan. Giảng viên cần sử dụng powepoint và các clip minh họa... với các hình ảnh sinh động về kinh tế tư nhân nhằm minh họa cho quan điểm của Đảng trong văn kiện Đại hội XII. Điều này phù hợp với sinh viên thuộc các chuyên ngành kỹ thuật vốn quen với bản vẽ, sơ đồ biểu bảng không quen lý luận do đó các hình ảnh sẽ cung cấp những hình ảnh sinh động cụ thể để từ đó tác động đến tâm lý và nhận thức của sinh viên một cách dễ nhớ, dễ thuộc hơn là thuyết trình.

+ Phương pháp đàm thoại. Để bài giảng hay, cuốn hút thì giảng viên tránh lối thông tin một chiều, thuyết trình dài dòng, độc thoại. Sinh viên là lứa tuổi nhanh nhạy, thông minh nên cần chú trọng tăng cường sử dụng phương pháp phát triển tư duy sáng tạo. Những phương pháp như đối thoại có thể thực hiện thông tin hai chiều, giải đáp kịp thời những vấn đề người học quan tâm và đặt ra các tình huống “có vấn đề” cuốn hút họ cùng tham gia giải quyết trong quá trình dạy học. Đối với kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế, giáo viên cần đưa ra các vấn đề hấp dẫn phù hợp với sinh viên để các sinh viên trao đổi tranh luận nhằm hiểu rõ các chủ trương chính sách của Đảng chẳng hạn như “vấn đề khởi nghiệp trong sinh viên” “vai trò của kinh tế tư nhân trong nền kinh tế”...

+ Phương pháp nêu vấn đề. Giảng viên nêu ra những quan điểm khác nhau, thậm chí trái ngược nhau, trình bày tiến trình suy luận của mình trên cơ sở vạch rõ bản chất của vấn đề. Như: vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước và kinh tế tư nhân động lực quan trọng trong nền kinh tế được hiểu như thế nào? Từ đó, hướng dẫn sinh viên tự đi đến kết luận trên cơ sở biết lập luận lôgic bảo vệ quan điểm mà mình tán thành. Qua đó, sinh viên không chỉ tiếp thu một cách thụ động

mà phải chủ động, sáng tạo giải quyết vấn đề đặt ra, phát huy được tính tích cực và tư duy độc lập, tăng cường ý chí muốn đạt đến chân lý. Sau đó giảng viên cần kết luận lại những vấn đề đúng cần ghi nhớ học tập cho sinh viên.

+ Phương pháp xemina. Người giảng viên cần đưa ra các chủ đề phù hợp với sinh viên về kinh tế tư nhân để sinh viên tự tìm hiểu kiến thức trước sau đó lên trình bày tranh luận với các sinh viên khác để học tập lĩnh hội kiến thức về kinh tế tư nhân chẳng hạn như: vấn đề khởi nghiệp với sinh viên hiện nay. Những chủ đề xemina phải phù hợp với chính sách của Đảng về kinh tế tư nhân vừa hợp với tâm lý sinh viên sẽ gây hứng thú cho người học. Qua đó sinh viên sẽ tích cực chủ động tìm tài liệu tự học tập lĩnh hội tri thức. Cần định hướng phát huy khả năng tìm kiếm, thu thập tài liệu qua nhiều nguồn, phân tích, tổng hợp các vấn đề có cơ sở lý luận và thực tiễn, có biện pháp khuyến khích sinh viên tích cực tương tác, sôi nổi tham gia trao đổi, thảo luận, đề xuất các vấn đề mà mình đang băn khoăn trong các giờ xemina.

+ Phương pháp sử dụng các chuyên gia, Nhà trường cần mời các chuyên gia có kiến thức thực tiễn về kinh tế tư nhân nói chuyện để thu hút sinh viên và gắn lý thuyết với thực tế. Qua đó sinh viên sẽ thấy được sự cần thiết học tập lý luận chính trị phục vụ cho sau khi ra trường của sinh viên. Chẳng hạn mời các doanh nhân thành đạt nói về khởi nghiệp cho sinh viên

Những hình ảnh từ thực tiễn xã hội, được tai nghe, mắt thấy có thể để lại ấn tượng sâu sắc hơn nhiều lần những bài giảng “lý thuyết suông. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng dạy rằng: Học tập chủ nghĩa Mác - Lênin là học tập lập trường, quan điểm và phương pháp để áp dụng vào thực tế cuộc sống. Người cho rằng: “Lý luận cốt để áp dụng vào công việc thực tế. Lý luận mà không áp dụng vào thực tế là lý luận suông. Dù xem được hàng ngàn hàng vạn quyển lý luận, nếu không biết đem ra thực hành, thì khác nào một cái hòm đựng sách.” [11, tr.234]. Mặt khác, quá trình giảng dạy, cần tăng cường cho sinh viên đi thực tế các địa phương, đơn vị, các cơ sở kinh tế để có khả năng vận dụng các tri thức đã học và cung cấp những tư liệu thực tiễn bổ ích cho việc phát triển các tri thức đã học, để có thể so sánh đối chiếu, kiến thức đã học trong sách vở với thực tiễn.

Tóm lại, để các chủ trương, chính sách của Đảng về kinh tế tư nhân đến với người học sinh viên một cách tốt nhất. Giáo viên cần cập nhật các kiến thức mới nhất và sử dụng tổng hợp các phương pháp khác nhau cho phù hợp với sinh viên Nhà trường. Trên đây là một số nội dung và phương pháp có tính gợi mở trong quá trình giảng dạy. Rất mong có sự đóng góp của người đọc để có thể hoàn thiện hơn trong quá trình giảng dạy cho sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội,(2017) Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, Nxb Thống kê.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam,Văn kiện Đại hội lần thứ VI của Đảng (1987), Nxb sự thật, Hà Nội. tr.82
3. Đảng Cộng sản Việt Nam,Văn kiện Đại hội lần thứ IX của Đảng (2001), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. tr.31
4. Đảng Cộng sản Việt Nam,Văn kiện Đại hội lần thứ X của Đảng (2006), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. tr.83
5. Đảng Cộng sản Việt Nam,Văn kiện Đại hội lần thứ XI của Đảng (2011), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. tr.101
6. Đảng Cộng sản Việt Nam,Văn kiện Đại hội lần thứ XII của Đảng (2016), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. tr.107-108.
7. Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa XII, Nxb CTQG Hà Nội 2017.
8. Phạm Chi Lan, Kinh tế tư nhân, sức mạnh kinh tế Việt Nam, theo báo [http://www. Vietnam.net](http://www.Vietnam.net) truy cập ngày 25/12/2017
9. Hoàng Xuân Hòa, Đổi mới doanh nghiệp nhà nước và phát triển kinh tế tư nhân trong giai đoạn hiện nay, (2017) Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.144, 148,149
- 10.Hồ chí Minh (2000), *toàn tập, tập 5*, Nxb CTQG, Hà Nội, tr.234
11. Trần Thị Thúy Chinh, Đề tài ***“Một số giải pháp nâng cao chất lượng học tập môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin cho sinh viên trường Đại học Công Nghiệp Hà Nội”***.

ĐIỂM MỚI CỦA ĐẠI HỘI XII VỀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN

ThS. Ngô Thị Thanh Tâm

Khoa LLCT- PL, trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Email: thanhtam85ml@gmail.com

Số điện thoại: 0987969145

TÓM TẮT

Tư tưởng về nhà nước pháp quyền đã sớm hình thành và phát triển trong xã hội và hiện nay xây dựng nhà nước pháp quyền đang trở thành một xu thế khách quan tất yếu đối với các quốc gia dân chủ trong thế giới hiện đại. Việt Nam cũng không nằm ngoài quỹ đạo chung đó. Xây dựng nhà nước pháp quyền là một chủ trương xuyên suốt, được hình thành, bổ sung và điều chỉnh từ Đại hội VII (1991) đến nay. Do vậy, trên cơ sở phân tích lịch sử hình thành tư tưởng xây dựng nhà nước pháp quyền, tác giả chỉ rõ những điểm mới tiến bộ trong nội dung xây dựng Nhà nước pháp quyền ở nước ta tại Đại hội XII.

Từ khóa: *Nhà nước pháp quyền, Đại hội XII, điểm mới*

1. Lịch sử hình thành tư tưởng xây dựng nhà nước pháp quyền

Tư tưởng về nhà nước pháp quyền đã hình thành từ thời cổ đại ở Hy Lạp và La Mã - nơi phát triển có tính điển hình về chính trị, kinh tế, xã hội thời cổ đại ở phương Tây. Tại đây đã hình thành nên tư duy về nhà nước pháp quyền phong phú. Khi đó, luật được quan niệm là cần thiết cho xã hội, cho cuộc sống của mỗi người dân, giữa luật và nhà nước phải có mối quan hệ chặt chẽ. Bởi lẽ con người luôn có khát vọng về sự công minh, bình đẳng đã mơ ước về một nhà nước công bằng và chỉ có pháp luật mới thực hiện được điều đó. Trong xã hội có sự thống trị của pháp luật ấy thì nhà nước phải được tổ chức gồm ba yếu tố: Nghị luận (cơ quan làm luật, trông coi việc nước), chấp hành (các cơ quan thi thực), xét xử (tòa án). Tư tưởng này đã thể hiện rõ ý chí chống lại sự chuyên quyền độc đoán, chống lại việc lẽ phải chỉ nằm trong tay kẻ mạnh, vua chúa có quyền lực không hạn chế, chống lại quan điểm nhà nước làm ra luật thì nhà nước phải đứng trên pháp luật. Đích đến của các nhà tư tưởng lỗi lạc thời cổ đại là hướng tới xây dựng một xã hội dân chủ mà ở đó quyền lực thuộc về nhân dân.

Đại biểu cho những quan điểm này là các triết gia Hêraclit (530 - 470 TCN), Aritxtot (384 – 322 TCN), Siseron (106 – 43TCN). Cách nhìn, cách lập luận của các triết gia cổ đại tuy chỉ mới là mầm mống của tư tưởng nhà nước pháp quyền nhưng nó đã được đánh giá “ Không có cái cơ sở của nền văn minh Hy Lạp và đế chế La Mã thì không có châu Âu hiện đại” (C.Mác – Ph.Ăngghen toàn tập, tr 254 – tập 20. Nxb Chính trị quốc gia Hà nội -1994).

Các nhà tư tưởng thời trung cổ đã tiếp nhận và phát triển quan điểm nhà nước pháp quyền thời cổ đại lên như là một thế giới quan pháp lý mới, biểu hiện ý thức chống lại một cách quyết liệt các quan điểm thần học về nhà nước và pháp luật, chống lại sự chuyên quyền phong kiến và tình trạng vô pháp luật. Đồng thời nó khẳng định mạnh mẽ tính nhân đạo, nguyên tắc tự do bình đẳng của cá nhân, thừa nhận những quyền của con người không thể bị tước đoạt.

Thời kỳ quá độ từ chế độ phong kiến lên chủ nghĩa tư bản những quan niệm mới về tự do của con người thông qua việc tôn trọng tính tối cao của pháp luật dẫn đến việc hình thành học thuyết nhà nước pháp quyền tư sản. Học thuyết này ngày càng hoàn thiện qua các tư tưởng vĩ đại của G. Loccơ, Montesquieu, Kan, Hêghen, MonhTrong đó, G. Loccơ (1632 - 1704) – một nhà tư tưởng người Anh vào thế kỷ XVII- người đặt nền móng cho sự ra đời của học thuyết về nhà nước pháp quyền tư sản. Cốt lõi tư tưởng của ông là quyền lực nhà nước được chia thành: Quyền lập pháp, quyền hành pháp, quyền tư pháp và ba quyền đó được giao cho ba cơ quan khác nhau. Ông cho rằng làm như vậy các bộ phận quyền lực sẽ kiểm chế lẫn nhau và tránh được sự lạm quyền. Tư tưởng này đã trở thành một trong những nội dung cơ bản của học thuyết nhà nước pháp quyền tư sản. Một trong những quan điểm mới có tính sâu sắc về nhà nước pháp quyền tư sản đã được Rutxo (1712 – 1778) đưa ra. Ông quan niệm nhà nước phải được hình thành từ sự thỏa thuận giữa nhân dân và nhà nước bằng khế ước xã hội. Thông qua đó nhân dân thực hiện được quyền của mình bằng cách nhân dân ủy quyền cho các đại biểu trong bộ máy nhà nước. Nếu nhà nước không đảm bảo được tự do cho cá nhân, không đem lại lợi ích cho xã hội như mục đích ban đầu thì người ta có quyền thỏa thuận lại để giành lấy tự do cho mình. Người đầu tiên

sử dụng thuật ngữ nhà nước pháp quyền chính là Robert Fon Mohn và Karl Teodor Valker. Hai ông coi tính tối cao của pháp luật là nguyên tắc hàng đầu của nhà nước pháp quyền. Các ông quan niệm trong nhà nước pháp quyền cần phải đảm bảo tiêu chuẩn sự bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật, có như vậy mới phát huy hết quyền tự do và năng lực của mỗi thành viên trong xã hội.

Như vậy, điểm hội tụ của các nhà tư tưởng về nhà nước pháp quyền là quan điểm: Nhân dân là chủ thể của quyền lực nhà nước, nhà nước phải đứng dưới pháp luật, quản lý xã hội bằng pháp luật. Ở mỗi nước đều có hệ thống luật pháp riêng của mình với vị trí tối cao là hiến pháp, luật này phải tuân thủ theo tinh thần cơ bản của pháp luật tự nhiên. Pháp luật tự nhiên được xem như là cái có trước nhà nước, đứng trên mọi nhà nước, được lý trí công nhận, giữ vai trò lãnh đạo cuộc sống xã hội, điều chỉnh hành vi của mọi người. Về mặt tổ chức quyền lực nhà nước nhất định phải được chia thành ba chức năng cơ bản: Làm luật, chấp hành pháp luật, giải quyết những vướng mắc trong quá trình chấp hành pháp luật, xử lý và trừng trị các vi phạm pháp luật.

Qua một số nội dung trên chúng ta thấy những tư tưởng và mô hình về nhà nước pháp quyền ở phương Tây đã phản ánh thế giới quan tiên tiến từ thời cổ đại, đã hàm chứa những thành tựu của các quan điểm dân chủ tiên bộ của cách mạng tư sản, nên nó là yếu tố của nền văn minh nhân loại.

Kế thừa những tư tưởng tiên bộ đó, chủ nghĩa Mác cũng rất đề cao vị trí của pháp luật giống như học thuyết của nhà nước pháp quyền tư sản. Ăng ghen cho rằng: *Cần phải đặt nhà nước dưới pháp luật thì mới ngăn ngừa được chuyển hóa của nhà nước từ chỗ là công bộc của xã hội thành ông chủ đứng trên đầu xã hội*. Bộ máy nhà nước vô sản sẽ tuân theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp là thống nhất.

Lênin vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác về vấn đề nhà nước và xuất phát từ thực tiễn cách mạng Nga những năm đầu thế kỷ XX. Những năm sau đó do những trở lực từ thực tiễn mà tư tưởng về nhà nước pháp quyền đã bị lãng quên khá lâu trong các nước của hệ thống xã hội chủ nghĩa. Song nhìn chung

trong hệ thống xã hội chủ nghĩa đã hình thành lý thuyết pháp chế xã hội chủ nghĩa. Về nội dung, pháp chế xã hội chủ nghĩa là hệ thống những quan niệm về xây dựng pháp luật, thi hành pháp luật và bảo vệ pháp luật. Điểm tương đồng giữa pháp chế xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền là đòi hỏi nhà nước phải có một hệ thống pháp luật ngày càng hoàn chỉnh. Pháp chế xã hội chủ nghĩa yêu cầu các công dân, viên chức nhà nước, cơ quan nhà nước phải tuân thủ nghiêm túc pháp luật; còn nhà nước pháp quyền nhấn mạnh đến nguyên tắc mọi cơ quan nhà nước phải đặt mình dưới pháp luật. Pháp chế xã hội chủ nghĩa yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt pháp luật, đấu tranh chống tình trạng vi phạm pháp luật; nhà nước pháp quyền cũng vậy, nó rất coi trọng hệ thống định chế tư pháp để xét xử các hành vi vi phạm. Pháp chế xã hội chủ nghĩa có nhiều điểm tương tự nhà nước pháp quyền, nhưng nếu so sánh hai khái niệm thì nhà nước pháp quyền có nội dung rộng hơn, sự thiết kế nó thành một cơ cấu bộ máy rõ hơn, cụ thể hơn. Nhà nước pháp quyền nhấn mạnh đến vai trò và trách nhiệm của hệ thống hành chính, bộ máy tư pháp nhiều hơn là nhấn mạnh đến vai trò của cơ quan lập pháp.

Chỉ với lý luận về pháp chế xã hội chủ nghĩa cùng với những nguyên nhân như do mô hình kinh tế, do chiến tranh, do sự phá hoại của chủ nghĩa đế quốc... mà trong một thời gian dài chưa có nhà nước XHCN nào thực hiện đầy đủ các tiêu chuẩn của nhà nước pháp quyền. Vì vậy cách tổ chức nhà nước xã hội chủ nghĩa còn có nhiều khuyết tật, nhà nước tách khỏi nhân dân lao động, quyền lực nhà nước của nhân dân ngày càng bị biến dạng, trở thành công cụ của chế độ quan liêu, mệnh lệnh và dẫn đến sự sụp đổ của nhà nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô cũ.

2. Điểm mới trong quan điểm xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt nam tại Đại hội XII

Ở nước ta, tư tưởng về một nhà nước pháp quyền đã manh nha xuất hiện trong tư tưởng Hồ Chí Minh ngay từ khi Người đi tìm đường cứu nước. Tư tưởng về “thần linh pháp quyền” của Nguyễn Ái Quốc trong bản yêu sách gửi Hội nghị Véc-xây được hiểu như nội dung có tính chất khởi đầu cho quan điểm

về một nhà nước pháp quyền ở Việt Nam. Tư tưởng ấy được Hồ Chí Minh phát triển trên cơ sở chỉ đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, cho ra đời Nhà nước, Chính phủ theo thể chế cộng hòa dân chủ, Quốc hội và Hiến pháp mới ở Việt Nam. Tuy nhiên, khái niệm “Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa” mãi đến Đại hội VII mới được khái quát và ghi trong các nghị quyết của Đảng ta. Từ Đại hội VII đến nay, tư tưởng về Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam luôn được Đảng ta quan tâm, chú trọng hoàn thiện, bổ sung về mặt lý luận và từng bước được hiện thực hóa trong thực tiễn xây dựng đất nước, thể hiện ở những nội dung cơ bản sau:

Trước hết, trong quan điểm về Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, tư tưởng về Đảng là một bộ phận của hệ thống chính trị và là lực lượng lãnh đạo Nhà nước luôn nhất quán, được thực hiện một cách trung thành, xuyên suốt quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng ta. Đây là một vấn đề về mặt nguyên tắc, phản ánh nét riêng trong thực tiễn xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

Thứ hai, về mặt bản chất giai cấp của nhà nước, Nhà nước pháp quyền XHCN là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; nhân dân là chủ thể của quyền lực nhà nước; nền tảng xã hội của Nhà nước là nhân dân, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức. Điều này được thể chế hóa trong Hiến pháp 2013 và tại Nghị quyết Đại hội XII (2016) tiếp tục khẳng định: “Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam do nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức”. Quan điểm này đối lập với quan điểm của các học giả tư sản bởi nhà nước pháp quyền tư sản mang bản chất giai cấp tư sản, quyền lực tập trung vào tay giai cấp tư sản.

Thứ ba, về phương hướng nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN đã được xác định, bổ sung và hoàn thiện tại các kỳ đại hội. Đại hội XI: “*Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN*”, trong đó phải “*nâng cao năng lực quản lý và điều hành của Nhà nước theo pháp luật... nghiên cứu xây dựng, bổ sung các thể chế và cơ chế vận hành cụ thể...*”.

Chủ trương này mang tính chỉ đạo khái quát cao, chưa chỉ rõ được những nhiệm vụ trọng tâm để thực hiện nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN. Do vậy, Đại hội XII của Đảng đã điều chỉnh, bổ sung và làm rõ hơn quan điểm này, đó là: *“Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trung tâm của đổi mới hệ thống chính trị”*¹⁷. Quan điểm này thể hiện một quyết tâm mạnh mẽ của Đảng xây dựng thành công Nhà nước pháp quyền XHCN. Để thực hiện được nhiệm vụ này, Đại hội cũng chỉ rõ những nhiệm vụ trọng tâm: *“Hoàn thiện thể chế, chức năng, nhiệm vụ, phương thức và cơ chế vận hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền XHCN”* và *“hoàn thiện tổ chức và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước”*. Có lẽ đây chính là vấn đề cốt yếu quyết định tới việc xây dựng thành công Nhà nước pháp quyền XHCN. Với những chủ trương mang tính cụ thể như vậy sẽ định hướng rõ và cụ thể cho việc thực hiện mục tiêu xây dựng thành công nhà nước pháp quyền.

Thứ tư, về phương diện đặc trưng của quyền lực nhà nước, trong các nhà nước pháp quyền tư sản hoạt động theo cơ chế “tam quyền phân lập”, ba cơ quan thực hiện quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp hoạt động độc lập và kiểm chế lẫn nhau. Cơ chế hoạt động này có nhiều điểm tích cực, tiến bộ, mang lại hiệu quả cao cho hoạt động của bộ máy nhà nước. Do vậy, mặc dù cơ chế này không phù hợp với nhà nước thực hiện quyền lực thuộc về nhân dân như ở nước ta nhưng trong tổ chức quyền lực nhà nước chúng ta đã tiếp thu những hạt nhân hợp lý của cơ chế “tam quyền phân lập”. Tại Đại hội XI chỉ rõ: *“... quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”*¹⁸. Chủ trương này đã được thể chế hóa trong Hiến pháp 2013 và triển khai thực hiện trên thực tiễn. Theo đó, Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, do nhân dân bầu ra, có quyền giám sát tối cao đối với hoạt động của nhà nước, thực hiện quyền lập pháp; Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước

¹⁷Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, tr175, NXB CTQG- Sự thật, 2011

¹⁸Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, tr247, NXB CTQG- Sự thật, 2011

cao nhất, thực hiện quyền hành pháp; Tòa án là cơ quan xét xử, thực hiện quyền tư pháp. Quy định này giúp cho các cơ quan xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ quyền hạn, hoạt động chủ động và hạn chế tình trạng chồng chéo. Tuy nhiên, những quy định như vậy chưa chế định rõ, đồng bộ, hiệu quả cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước ở các cấp. Cơ chế giám sát của Quốc hội chưa được làm rõ như phạm vi, nội dung và cách thức giám sát... Chưa khắc phục được về cơ bản sự chồng chéo, vướng mắc về chức năng, nhiệm vụ giữa các thiết chế, làm ảnh hưởng tới sự thống nhất quyền lực nhà nước và hiệu quả hoạt động của Nhà nước. Khắc phục điều này, Đại hội XII đã chủ trương: “*Xây dựng Nhà nước pháp quyền phải tiến hành đồng bộ cả lập pháp, hành pháp, tư pháp và được tiến hành đồng bộ với đổi mới hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả*”¹⁹. Từ đó Đại hội yêu cầu xác định rõ cơ chế phân công, phối hợp thực thi quyền lực nhà nước, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở quyền lực nhà nước là thống nhất; xác định rõ hơn trách nhiệm và quyền hạn của mỗi quyền. Đồng thời, quy định rõ hơn cơ chế phối hợp trong việc thực hiện và kiểm soát các quyền ở các cấp chính quyền. Tiếp tục phân định rõ thẩm quyền và trách nhiệm giữa các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương và của mỗi cấp chính quyền địa phương”. Tinh thần về: Tất cả quyền lực thuộc về nhân dân; quyền lực nhà nước là thống nhất... là những đặc trưng cơ bản thuộc bản chất Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

Thứ năm, về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong bộ máy nhà nước. Việc xây dựng nhà nước pháp quyền ảnh hưởng rất lớn đến cơ cấu, hoạt động của bộ máy nhà nước bởi trong nhà nước pháp quyền thì cơ cấu và hoạt động của các cơ quan phải khác một nhà nước không có mục tiêu xây dựng nhà nước pháp quyền. Đó là các cơ quan chính trong bộ máy nhà nước- những cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. *Đối với Quốc hội*, Đại hội X và XI chủ trương thực hiện đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, nâng cao chất lượng đại biểu, tăng số lượng đại biểu chuyên trách, thực hiện tốt hơn

¹⁹Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, tr175, NXB CTQG- Sự thật, 2011

nhệm vụ giám sát các vấn đề quan trọng của đất nước; giám sát hoạt động của các cơ quan tư pháp. Xuất phát từ chủ trương này mà ngày 25/6/2015 tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân với nhiều nội dung được điều chỉnh so với luật trước đó- Luật bầu cử đại biểu Quốc hội 1997 sửa đổi 2010 và Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân 2003- theo hướng chặt chẽ, dân chủ, thực chất hơn và là một bước quan trọng để hoàn thiện pháp luật về bầu cử ở Việt Nam, thông qua Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân 2015; số lượng đại biểu Quốc hội chuyên trách đã được tăng lên theo lộ trình phù hợp, theo đó tại Quốc hội khóa XI là 25%, khóa XII là 29,41%, khóa XIII là 30,08%. Tuy nhiên, thực tiễn hoạt động của Quốc hội còn tồn tại nhiều điểm cần phải khắc phục. Đó là về chất lượng đại biểu Quốc hội, đại biểu kiêm nhiệm chiếm số lượng lớn nên nhiều người không có thời gian tham gia các hoạt động do ủy ban, hội đồng tổ chức, về trình độ năng lực của đại biểu; hoạt động giám sát của Quốc hội còn mang tính hình thức, năng lực giám sát của đại biểu, của các cơ quan khác của Quốc hội chưa được nâng cao; trình tự, thủ tục giám sát quy định một cách chung chung trong luật, chông chéo về nội dung giám sát. Những hạn chế này làm Quốc hội Việt Nam chưa thật sự thể hiện rõ vai trò điều hành của mình, chưa thực hiện tốt quyền lập pháp, chưa thực hiện tốt chức năng giám sát tạo cơ hội cho sự gia tăng của những hiện tượng tiêu cực trong bộ máy, không phát hiện và ngăn chặn kịp thời hoạt động vi phạm của các cơ quan nhà nước khác. Trong khi đó, Quốc hội là cơ quan do nhân dân bầu ra, được nhân dân trao quyền, là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Do vậy, Đại hội XII chủ trương: *“Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, bảo đảm Quốc hội thực sự là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Quốc hội thực hiện tốt chức năng lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao, nhất là đối với việc quản lý, sử dụng các nguồn lực của đất nước... Hoàn thiện cơ chế để nâng cao chất lượng, hiệu quả*

hoạt động lập pháp của Quốc hội, đại biểu Quốc hội, cơ chế giám sát, đánh giá đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, HĐND bầu hoặc phê chuẩn”²⁰.

*Đối với Chính phủ, trong nhà nước pháp quyền, vai trò và trách nhiệm của hệ thống hành chính được nhấn mạnh bởi Chính phủ là trung tâm của bộ máy nhà nước, hoạt động của chính phủ có sự ảnh hưởng rất lớn đến toàn bộ hoạt động của các cơ quan nhà nước khác, nên Chính phủ phải được cơ cấu tổ chức cho phù hợp với nhiệm vụ trọng tâm của mình. Tại các kỳ đại hội X và XI, chủ trương của Đảng đề ra luôn tập trung vào nội dung: đẩy mạnh cải cách hành chính giảm phiền hà cho nhân dân, tinh gọn bộ máy. Tuy nhiên trên thực tế, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị vẫn còn công kênh, nhiều tầng nấc; đổi mới, sắp xếp chưa đạt mục tiêu, yêu cầu đề ra; thủ tục hành chính rườm rà, phức tạp; cán bộ, công chức lạm quyền, nhũng nhiễu, gây phiền hà, khó khăn; việc thực thi pháp luật còn nhiều bất cập, nội dung chưa nhất quán, không tương thích và thậm chí vô hiệu hóa lẫn nhau. Khảo sát 11.000 DN năm 2016 cho thấy, có tới 66% số DN phải trả các chi phí không chính thức để có thể giải quyết được thủ tục hành chính. (Nguồn: Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam). Năm 2016, các DN tốn 30 triệu ngày công cho kiểm tra chuyên ngành với chi phí khoảng 14.300 tỷ đồng. Trong đó, các bộ: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương làm cho DN tốn 28 triệu 793 nghìn ngày công với chi phí hơn 12.200 tỷ đồng. Nếu không giải quyết được vấn đề này thì sẽ là rào cản cho sự phát triển của nền kinh tế và toàn xã hội cũng như xây dựng nhà nước pháp quyền. Do vậy, chủ trương của Đại hội XII là *hoàn thiện cơ cấu tổ chức Chính phủ, xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất; đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước theo hướng xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, năng động, phục vụ nhân dân, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; hoàn thiện thể chế hành chính dân chủ - pháp quyền, quy định trách nhiệm và cơ chế giải trình của các cơ quan nhà nước; giảm mạnh, bãi bỏ những thủ tục hành chính gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp. Đề cao đạo đức**

²⁰Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, tr175, NXB CTQG- Sự thật, 2011

công vụ, trách nhiệm xã hội, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong chỉ đạo và thực thi công vụ của cán bộ, công chức; đẩy nhanh việc áp dụng chính phủ điện tử. Trong đó, những cụm từ lần đầu tiên được sử dụng như “*xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, năng động, phục vụ nhân dân*”, “*quy định trách nhiệm và cơ chế giải trình của các cơ quan nhà nước*”, “*đề cao đạo đức công vụ*” hay “*xây dựng chính phủ điện tử*”... Những chủ trương này thể hiện sự đổi mới tư duy về quản trị, cải cách bộ máy, chuyển từ chính phủ quản lý sang phục vụ người dân và cán bộ phải gương mẫu trong lời nói và hành động, nói đi đôi với làm. Đây là một quyết tâm mạnh mẽ của Đảng trong việc xây dựng chính phủ kiến tạo, liêm chính, hành động và phục vụ là tạo ra thể chế quản trị hiệu quả, một chính phủ mạnh, một nền công vụ chuyên nghiệp, gọn nhẹ, minh bạch, luôn sáng tạo và lấy sự công hiến, phục vụ lợi ích quốc gia, dân tộc làm chính, một chính phủ thân thiện. Hi vọng rằng những chủ trương này sẽ được thực hiện hiệu quả trên thực tiễn.

Về Tòa án, tiếp thu tinh thần cải cách tư pháp được đề ra từ các kỳ đại hội trước, Đại hội XII đã kế thừa và bổ sung ở một số nội dung như xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, từng bước hiện đại; bảo vệ pháp luật, công lý, quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân.

Những nội dung thay đổi nêu trên chứng tỏ sự tiệm cận rất gần với quan điểm về xây dựng nhà nước pháp quyền của các nước trên thế giới, là sự tiếp thu những hạt nhân hợp lý của tư tưởng nhà nước phân quyền để áp dụng vào xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta.

Thứ sáu, tư tưởng về “nguyên tắc pháp quyền XHCN” trong xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN được khẳng định trong Nghị quyết Đại hội XII. Đây là một yêu cầu cao về trình độ phát triển ở tất cả các mặt, các nội dung thuộc nhà nước pháp quyền. Đây là lần đầu tiên trong Nghị quyết nguyên tắc này được khái quát. Tại các kỳ đại hội trước, “nguyên tắc pháp chế XHCN” là nội dung xuyên suốt. Với “nguyên tắc pháp chế XHCN” yêu cầu tuân thủ pháp

luật nghiêm chỉnh, triệt để và thống nhất đối với tất cả các cá nhân, tổ chức. Các nguyên tắc cơ bản của pháp chế là tính thống nhất, tính hợp lý và áp dụng chung nhằm mục đích đạt được sự tuân thủ pháp luật, thiết lập các mối quan hệ xã hội hợp pháp. Còn với “nguyên tắc pháp quyền XHCN”, trước hết đó phải là tinh thần thượng tôn pháp luật của toàn xã hội, là ý thức tuân thủ và chấp hành pháp luật của các cơ quan nhà nước, công chức, viên chức và mọi công dân. Nguyên tắc này đòi hỏi sự ngự trị tuyệt đối của pháp luật như một sự hạn chế ảnh hưởng của việc sử dụng quyền lực một cách tùy tiện; đòi hỏi phải xây dựng một hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai và minh bạch; đòi hỏi sự liêm chính trong quá trình xét xử, các nguyên tắc tố tụng phải chặt chẽ và hợp lý để tìm ra sự thật. Có thể thấy, hai nguyên tắc này đều đề cao vai trò của pháp luật nhưng có cơ chế điều chỉnh khác nhau. Cụ thể, với “nguyên tắc pháp chế” coi pháp luật là công cụ để nhà nước quản lý xã hội, chỉ chấp nhận luật thành văn, thực hiện những chế tài nghiêm khắc, kỷ luật thép buộc người dân phải tuân theo pháp luật của nhà nước. Nhưng với “nguyên tắc pháp quyền” pháp luật là công cụ của công dân để kiểm tra, giám sát công quyền; ngoài pháp luật thành văn thì án lệ, tập quán, công lý, lương tâm, đạo đức và các giá trị xã hội cũng được coi là nguồn của pháp quyền và cho phép người dân viện dẫn đến lẽ phải để bảo vệ mình trước những đạo luật bất hợp lý của nhà nước. Như vậy “pháp quyền” vừa là mô thức tổ chức nhà nước, vừa là mô thức tổ chức xã hội, có thể áp dụng đối với cả đời sống công quyền và xã hội công dân, có nội hàm rộng hơn, phong phú hơn và được thể hiện và nhận diện trên nhiều phương diện khác nhau, thể hiện tinh thần dân chủ cao, một sự tiến bộ rõ rệt và hướng tới bảo vệ lợi ích của công dân, con người.

Quan điểm này thể hiện một sự tiệm cận gần hơn nữa với tư tưởng nhà nước pháp quyền trên thế giới. Tuy nhiên với điều kiện, hoàn cảnh đặc thù của nước ta thì định hướng xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam không thể tách rời lý luận Mác- Lênin về pháp chế XHCN.

Với các nội dung trên đây đã thể hiện về cơ bản quan điểm về một Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của Đảng. Quan điểm này được hình thành,

định hình và bổ sung hoàn thiện dần dần qua từ Đại hội VII (1991) đến Đại hội XII (2016). Hệ thống quan điểm của Đảng ta về Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam thể hiện rõ tính quy luật phát triển tư duy của Đảng, đồng thời cũng phản ánh lộ trình xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Với bản chất cách mạng và khoa học của các quan điểm trên là cơ sở để củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, về bản chất tốt đẹp và sự vững mạnh của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

Nhận thức đúng bản chất vấn đề, thấy rõ tính cách mạng, khoa học về xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, trong quá trình thực hiện phải luôn quán triệt tinh thần đấu tranh khắc phục những hạn chế và sự chống phá của các thế lực thù địch. Những hạn chế, khuyết điểm còn tồn tại và sự chống phá của các thế lực thù địch luôn "đồng hành" cùng nhau trong chuỗi quá trình thực hiện mục tiêu của các thế lực thù địch là từ "diễn biến" đến "tự diễn biến" và đến "tự chuyên hóa"... Các thế lực thù địch với nhiều âm mưu, thủ đoạn tinh vi, ở nhiều mặt, nổi bật nhất là chống phá quan điểm về quan hệ giữa Đảng và Nhà nước trong xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam; phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước; phủ nhận nguyên tắc tập trung dân chủ... hòng làm lạc hướng nhận thức trong xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Đào, Đinh Văn Mậu và cs (1997), *Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới* - NXB Đồng Nai.
2. Lê Minh Quân (1998), Nhà nước pháp quyền tư sản những mặt tiến bộ và hạn chế lịch sử, *Nghiên cứu lý luận* số 6.
3. Lê Minh Quân (1998), Tìm hiểu một số tư tưởng liên quan đến nhà nước pháp quyền trong quá trình phát triển của xã hội
4. Thời cổ đại, *Tạp chí nghiên cứu lịch sử* số 1 (297).
5. Đào Trí Úc (1992), *Tìm hiểu về nhà nước pháp quyền*, NXB Pháp Lý Hà Nội.
6. Văn kiện đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, X, XI.

NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 5 (KHÓA XII) VỚI VẤN ĐỀ KHỞI NGHIỆP CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Ths. Nguyễn Thị Thọ

Khoa LLCT - PL

Email: thonguyen1802@gmail.com

Số điện thoại: 0913558778

Tóm tắt

Khởi nghiệp đang là một trong những vấn đề mang tính thời sự, đặc biệt khởi nghiệp của sinh viên- lớp người trẻ tuổi có trình độ cao không chỉ có ý nghĩa đối với mỗi người mà nó còn góp phần vào sự phát triển chung của đất nước. Để việc khởi nghiệp của sinh viên thuận lợi và mang lại hiệu quả cao cần có một môi trường thuận lợi phù hợp với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Hội nghị Trung ương 5 khóa XII của Đảng đã xác định: Phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế đất nước. Đây được xem là quan điểm rất tích cực trong đổi mới tư duy phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa một cách bền vững, đồng thời là môi trường thuận lợi cho việc khởi nghiệp nói chung và khởi nghiệp của sinh viên nói riêng. Trong bài viết này, bước đầu tác giả đề cập đến một số nội dung các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XII; thực trạng khởi nghiệp của sinh viên Đại học Công nghiệp Hà Nội. Từ đó đưa ra một số khuyến nghị với việc khởi nghiệp của sinh viên Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Từ khóa: Nghị quyết Trung ương 5; sinh viên khởi nghiệp...

1. Một số nội dung các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XII- điều kiện thuận lợi cho việc phát huy vấn đề khởi nghiệp

Thứ nhất, Nghị quyết về “*Phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*”

- Nghị quyết đã xác định rõ hơn và nhấn mạnh việc *phát triển kinh tế tư nhân lành mạnh theo cơ chế thị trường là yêu cầu tất yếu, khách quan, vừa cấp thiết, vừa lâu dài* Quan điểm mới này nhằm tiếp tục khẳng định, cụ thể hóa

rõ hơn nhận thức, tư duy nhất quán và liên tục phát triển của Đảng đối với vị trí vai trò phát triển kinh tế tư nhân.

- Phát triển kinh tế tư nhân phải được thực hiện một cách đồng bộ, tổng thể cùng với các giải pháp cải cách doanh nghiệp nhà nước, cải cách hành chính công và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; do đó, Nghị quyết xác định: *Phát triển kinh tế tư nhân là một phương sách quan trọng để huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển và giải phóng sức sản xuất.*

Nghị quyết xác định: *“Kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể cùng với kinh tế tư nhân là nòng cốt để phát triển một nền kinh tế độc lập, tự chủ”.*

- Khuyến khích kinh tế tư nhân tham gia góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp nhà nước khi cổ phần hoá hoặc Nhà nước thoái vốn.

- Nghị quyết đề cao vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, nhất là tổ chức công đoàn, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp. Đề cao vai trò và trách nhiệm của đội ngũ doanh nhân Việt Nam nhằm đảm bảo tính định hướng XHCN trong phát triển kinh tế tư nhân, Nghị quyết xác định *“Chăm lo bồi dưỡng, giáo dục, nâng cao nhận thức chính trị, tinh thần tự lực, tự cường, lòng yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, gắn bó với lợi ích của đất nước và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của các chủ doanh nghiệp. Phát triển đội ngũ doanh nhân Việt Nam ngày càng vững mạnh, có ý thức chấp hành pháp luật, trách nhiệm với xã hội và kỹ năng lãnh đạo, quản trị cao; chú trọng xây dựng văn hoá doanh nghiệp, đạo đức doanh nhân”.*

Thứ hai, Nghị quyết về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ chiến lược, là khâu đột phá quan trọng, tạo động lực để phát triển nhanh và bền vững; đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

- Nhận thức đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, thông lệ quốc tế, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với điều kiện phát triển của đất nước trong từng giai đoạn. Bảo đảm tính đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của thể chế kinh tế. Gắn kết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiên bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là quá trình phát triển liên tục; kế thừa có chọn lọc thành tựu phát triển kinh tế thị trường của nhân loại và kinh nghiệm tổng kết từ thực tiễn đổi mới ở nước ta; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời bảo đảm giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

- Hoàn thiện thể chế kinh tế đi đôi với hoàn thiện thể chế chính trị mà trọng tâm là đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy và cán bộ. Có bước đi phù hợp, vững chắc, vừa làm vừa tổng kết, rút kinh nghiệm để tiếp tục hoàn thiện. Xác định rõ và thực hiện đúng vị trí, vai trò, chức năng và mối quan hệ của Nhà nước, thị trường và xã hội phù hợp với kinh tế thị trường; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; tăng cường và giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng.

- Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ quan trọng, vừa cấp bách vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị. Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. [1]

Phát triển kinh tế tư nhân trong điều kiện hoàn thiện mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN vừa là cơ hội, vừa là môi trường thúc đẩy vấn đề khởi nghiệp của sinh viên lan tỏa sâu rộng trong xã hội để giải quyết vấn đề nhức nhối nhất hiện nay là việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp

2. Vấn đề khởi nghiệp của sinh viên và sinh viên Đại học Công nghiệp Hà Nội

2.1. Quan niệm về khởi nghiệp

Khởi nghiệp tức là quá trình con người đã áp ỏ một công việc kinh doanh riêng, thường thì sẽ thành lập một doanh nghiệp mà tại đó bản thân người đó là người quản lý, là người sáng lập hoặc đồng sáng lập. Việc cung cấp những sản phẩm mới, dịch vụ mới hay thậm chí kinh doanh những mặt hàng đã có mặt trên thị trường nhưng theo ý tưởng có riêng mình... đều được gọi là khởi nghiệp.

Khởi nghiệp có thể là quá trình tạo ra một lĩnh vực hoạt động mới cho riêng mình. Qua đó mỗi người có thể thuê các nhân viên về làm việc cho mình và bản thân là người quản lý công ty, doanh nghiệp của mình. Khởi nghiệp mang lại rất nhiều giá trị cho bản thân cũng như nhiều lợi ích cho xã hội, cho người lao động.

Đối với cá nhân theo đuổi việc khởi nghiệp, hoạt động này giúp họ tạo ra công việc, thu nhập cho chính mình mà không phải bắt đầu từ việc đi làm thuê. Họ được tự do trong công việc, và nếu công ty của họ phát triển tốt thì nguồn thu nhập của họ có thể cao gấp nhiều lần so với thu nhập do đi làm thuê mang lại.

Đối với xã hội và nền kinh tế thì các công ty khởi nghiệp tạo ra thêm nhiều công ăn việc làm. Điều này giúp đất nước giải quyết tình trạng thất nghiệp, tạo ra nguồn thu nhập cho người lao động nuôi sống bản thân và gia đình.

Bằng việc tạo ra lượng lớn công ăn việc làm cho người lao động, giữ tỉ lệ thất nghiệp của nền kinh tế ở mức an toàn, khởi nghiệp thành công gián tiếp góp phần ổn định xã hội, giảm thiểu các tệ nạn xã hội do thất nghiệp gây ra như trộm cắp, bài bạc, đua xe, ma túy... Khởi nghiệp cũng góp phần giảm áp lực lên nền kinh tế, trợ cấp xã hội, đưa đất nước ngày càng phát triển.

2.2. Thực trạng khởi nghiệp của sinh viên và sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Thủ tướng đã ban hành Nghị quyết 35/NQ-CP về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 cũng xác định: “Tạo dựng môi trường thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo” là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Quyết định số 844 về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh

thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”. Chính phủ đã chọn năm 2016 là năm Quốc gia khởi nghiệp và đang triển khai những chính sách lớn để thúc đẩy phát triển khởi nghiệp. Ngày 30 tháng 10 năm 2017 Chính phủ vừa ban hành Quyết định 1665/QĐ-TTg phê duyệt Đề án "Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025". Mục tiêu đến năm 2020, 100% các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng và trường trung cấp có kế hoạch triển khai công tác hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp[2.].

Trung ương Đoàn đã ban hành Chương trình Thanh niên khởi nghiệp giai đoạn 2016-2021: Tiếp cận hỗ trợ trọng tâm 3 đối tượng thanh niên khởi nghiệp:

Thứ nhất là, các bạn sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng;

Thứ hai là, thanh niên nông thôn;

Thứ ba là, doanh nhân trẻ.

Tuy nhiên theo dự thảo của Đề án hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp đang được Bộ Giáo dục và đào tạo soạn thảo và trình Chính phủ quyết định, báo cáo của 120 trường đại học, 115 trường cao đẳng thì hoạt động khởi nghiệp và hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp tại các nhà trường hầu như chưa được triển khai[3.].

Các hoạt động tư vấn việc làm, hướng nghiệp cho sinh viên ở các trường đại học hiện nay còn khiêm tốn, tỷ lệ trường đại học trên số doanh nghiệp tại Việt Nam là rất nhỏ so với các nước trong khu vực Đông Nam Á. Việt Nam chỉ hơn Lào và thua 9 nước còn lại, mặc dù dân số nước ta đông vào hàng thứ hai trong khu vực. Tỷ lệ sinh viên thực tập tại các doanh nghiệp và các doanh nghiệp tham gia tuyển dụng thông qua công tác đào tạo nhân lực tại trường đại học ở Việt Nam là thấp nhất khu vực Châu Á.

Theo một khảo sát, có đến 66,6% sinh viên Việt Nam hiện nay chưa hề biết đến các hoạt động khởi nghiệp. Số lượng sinh viên biết đến các chương trình khởi nghiệp chỉ đạt 33,4% và thực tế số lượng sinh viên hàng năm tham gia các chương trình khởi nghiệp do VCCI khởi xướng chỉ đạt 0.016%. Có đến 62% sinh viên được hỏi cho rằng các hoạt động khởi nghiệp hiện nay đang mang tính phong trào, chưa thực sự hiệu quả. Tuy nhiên, khi hỏi về khả năng kinh doanh có đến 89% sinh viên cho rằng bản thân có khả năng kinh doanh và 80% sinh

viên có ý định sẽ tham gia các hoạt động kinh doanh sau khi tốt nghiệp. Cơ hội khởi nghiệp từ kinh doanh của sinh viên hiện nay có đến 61% đến từ phía gia đình, 21% từ bạn bè và 18% đến từ các nơi khác [3.].

Đối với sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội mặc dù tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp khá cao và tăng qua các năm (năm 2014 là: 36,1%, đến năm 2015 là: 53,2 % và 2016 là: 59,5%) nhưng chủ yếu sinh viên sau tốt nghiệp làm việc trong các doanh nghiệp tư nhân trong nước và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với mức thu nhập trung bình từ 5 đến 7 triệu đồng/tháng[4]. Sinh viên sau khi tốt nghiệp tự mở công ty kinh doanh chiếm tỷ lệ không đáng kể, được thể hiện qua bảng sau.

Đơn vị: %

Tiêu chí	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Doanh nghiệp nhà nước	5,6	4,6	6,0
Doanh nghiệp tư nhân của Việt nam	53,7	52,2	31,5
Hành chính sự nghiệp	1,0	0,3	0,7
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	29,8	35,3	55,3
Khác (Hộ gia đình, tự mở công ty...)	9,9	7,6	6,5

Bảng1. Loại hình của tổ chức, doanh nghiệp sinh viên đang làm việc

Nguồn: Báo cáo khảo sát tình hình việc làm của sinh viên Đại học, Cao đẳng tốt nghiệp năm 2014; 2015; 2016, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Bảng trên cho thấy sau khi tốt nghiệp sinh viên có xu hướng làm việc tại khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng lên, khối doanh nghiệp tư nhân trong nước có xu hướng giảm đi. Rất ít sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà nội làm việc tại các doanh nghiệp nhà nước và đơn vị hành chính sự nghiệp. Tỷ lệ khởi nghiệp để tự tạo việc làm sau một năm ra trường của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà nội rất thấp và có xu hướng ngày càng giảm đi.

3. Một số khuyến nghị góp phần nâng cao hiệu quả khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Nguyên Phó thủ tướng Vũ Khoan từng chia sẻ trên “diễn đàn cùng thanh niên thủ đô khởi nghiệp” diễn ra tại Hà Nội vào ngày 10/4/2016 rằng: “Để khởi nghiệp thành công, nhất thiết thanh niên phải nhớ cho mình 8 chữ “T” cần thiết: Tức khí, Tò mò, Thử nghiệm, Tìm kiếm, Chữ Tín, Thất bại, Thử lại, Thành công. Đó là những nhân tố cơ bản cần thiết để thanh niên trang bị những kiến thức, kỹ năng cơ bản trên con đường khởi nghiệp, xác định năng lực bản thân, sự mạo hiểm, thách thức và dĩ nhiên là cả những thất bại” [5].

Về phía thanh niên nói chung và sinh viên nói riêng đặc biệt là sinh viên Đại học Công nghiệp Hà Nội, cần hưởng ứng và thực hiện mạnh mẽ, hiệu quả, thiết thực cho hoạt động khởi nghiệp, chủ động tiếp cận chương trình, tích cực tham gia vào các hoạt động để trau dồi kiến thức, kinh nghiệm, vận dụng những kiến thức được đào tạo tìm kiếm những ý tưởng kinh doanh để lập nên các dự án khởi nghiệp có giá trị thực tiễn cao.

Bởi vì hầu như bất cứ người trưởng thành nào cũng có thể khởi nghiệp nếu muốn, không phân biệt già hay trẻ, nam hay nữ, không phân biệt trong hay ngoài nước, thành thị hay nông thôn miễn sao bạn có một ý tưởng kinh doanh hay có thể thực hiện được, có thể đem lại lợi ích cho bản thân mình và toàn xã hội.

Tuy nhiên hiện nay những ý tưởng khởi nghiệp được hình thành chủ yếu bởi các bạn trẻ đam mê làm giàu và sáng tạo, nhất là những bạn sinh viên đang đi học hoặc vừa ra trường. Những con người trẻ tuổi này tràn đầy nhiệt huyết, họ cũng có đủ sự nhanh nhạy, khả năng nắm bắt những kiến thức và công nghệ mới, có lòng can đảm và khát khao khẳng định bản thân hơn những vị tiền bối đi trước mặc dù những người đi trước lại có nhiều lợi thế về kinh nghiệm hơn.

Vì thế nếu bạn còn trẻ và chưa có gì trong tay, đừng lo sợ gì cả, hãy cứ thử nghiệm và thất bại. Khởi nghiệp không bao giờ là sự lựa chọn dễ dàng, nó không dành cho tất cả mọi người. Nhưng nếu bạn có đủ quyết tâm và lòng kiên trì, đủ dũng cảm để đối mặt với những chông gai thử thách có thể gặp phải trên con đường khởi nghiệp thì có lẽ đây chính là con đường phù hợp với bạn.

Về phía nhà trường: Cần có những giải pháp để truyền cảm hứng cho sinh viên về vấn đề khởi nghiệp cũng như đưa sáng kiến của sinh viên vào thực tiễn thành công. Đó là việc làm cần nhiều giải pháp để thực hiện. Tuy nhiên, trước mắt, nhà trường cần "truyền lửa" cho sinh viên ngay từ khi còn ngồi trên ghế giảng đường...

Yếu tố quan trọng hàng đầu mà người bắt đầu khởi nghiệp cần phải có là năng lực sáng tạo, kiến thức nền tảng và kiến thức chuyên môn. Để trang bị các yếu tố cần thiết cho sinh viên có thể khởi nghiệp trường Đại học Công nghiệp Hà Nội cần phải đổi mới đào tạo theo hướng sinh viên biết làm chủ công nghệ, kỹ năng chuyên nghiệp, có tư duy sáng tạo; chủ động trong công việc, nâng cao năng suất lao động, khả năng làm việc nhóm, gắn giảng dạy lý thuyết với thực hành, gắn kết giữa trường đại học với doanh nghiệp trong đào tạo được coi là động lực cốt yếu của xã hội cho việc khởi nghiệp. Kết quả của mối quan hệ gắn kết giữa trường đại học với doanh nghiệp sẽ tăng cường khả năng trải nghiệm, thực hành để nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển cơ hội khởi nghiệp trong tương lai cho sinh viên

Trách nhiệm của tổ chức Đoàn, Hội sinh viên: Thời gian qua tổ chức đoàn, hội sinh viên tham gia vào chuỗi hoạt động khởi nghiệp với các nội dung: Tập huấn khởi sự doanh nghiệp, tọa đàm sinh viên tham gia phát triển kinh tế, trao đổi kinh nghiệm khởi sự doanh nghiệp, tư vấn hỗ trợ thủ tục pháp lý. Đoàn thanh niên phối hợp với các cấp, các ngành, doanh nghiệp tổ chức truyền thông, tư vấn, thành lập vườn ươm ý tưởng khởi nghiệp, khuyến khích tinh thần khởi nghiệp, vận động sinh viên chủ động tạo việc làm, giúp nhau lập nghiệp, góp vốn và liên kết trong sản xuất, kinh doanh. Tổ chức trong trường các hoạt động như: "Hội chợ việc làm", "Ngày hội việc làm", "Ngày hội hướng nghiệp-day nghề". Đây là những hoạt động hết sức thiết thực và hiệu quả giúp sinh viên Đại học Công nghiệp Hà Nội có khả năng tiếp cận được những cơ hội việc làm và hiểu được nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội. Bởi vậy, Nhà trường cần kết hợp các đoàn thể phát huy hơn nữa các hoạt động này và hình thức phong phú hơn để thu hút tất cả sinh viên trong Trường tham gia.

Bên cạnh vai trò của mỗi sinh viên và Nhà trường thì một trong những yếu tố quan trọng không thể thiếu là *vai trò của Đảng và Nhà nước*: Đảng và Nhà nước có vai trò đặc biệt trong việc tạo ra môi trường khởi nghiệp chuyên nghiệp và lành mạnh. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa XII) đã nêu rõ: kinh tế tư nhân được phát triển ở tất cả các ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm. Phát huy phong trào khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đẩy mạnh thực hiện chiến lược quốc gia về phát triển nguồn nhân lực với hệ thống chính sách, giải pháp đồng bộ. Khuyến khích, động viên và lan toả tinh thần, ý chí khởi nghiệp, kinh doanh và đổi mới sáng tạo trong toàn xã hội, nhất là cộng đồng doanh nghiệp [1].

Vì vậy nhà nước cần phải hoàn thiện pháp luật và thực hiện có hiệu quả các biện pháp, quy định bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ, thương hiệu.... Cần có chính sách, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, phát triển các chương trình khởi nghiệp, nhất là các quỹ khởi nghiệp, văn phòng tư vấn và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp... Các hiệp hội, địa phương và ngành cũng cần mở rộng các cuộc giao lưu và đào tạo, thi khởi nghiệp trên toàn quốc, tìm các nhà đầu tư tài trợ cho những dự án có tính khả thi.

5. Kết luận:

Trong tiến trình hội nhập sâu rộng của đất nước ta, nếu mỗi sinh viên Đại học Công nghiệp Hà Nội đều có tinh thần khởi nghiệp sẽ là nền tảng quan trọng để quốc gia khởi nghiệp. Bởi lẽ đó, mỗi sinh viên Đại học Công nghiệp Hà Nội cần năng động, sáng tạo nâng cao trình độ chuyên môn; các tổ chức, đoàn thể trong Nhà trường cần tổ chức và có những hoạt động thiết thực để gắn kết sinh viên với sự phát triển của đất nước trong bối cảnh hội nhập; và hơn hết là chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước tạo hành lang pháp lý cho giới trẻ, đặc biệt là sinh viên khởi nghiệp hiệu quả và phát triển bền vững góp phần xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết Trung ương 5 khóa XII được xem là quan điểm rất tích cực trong đổi mới tư duy phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa một cách bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đảng Cộng sản Việt Nam, Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII
- [2]. Đề án hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025, <https://thuvienphapluat.vn>
- [3]. Minh hoàng, *Tinh thần khởi nghiệp của sinh viên Việt nam đang ở đâu*, <http://enternews.vn>, 21/04/2017
- [4]. Báo cáo khảo sát tình hình việc làm của sinh viên Đại học, Cao đẳng, Trường Đại học Công nghiệp Hà nội. 2014; 2015; 2016
- [5]. Văn chung, *Ông Vũ Khoan tặng 8 chữ “T” cho sinh viên khởi nghiệp*, <https://thoibao.today>, 11.4.2016
- [6]. <http://khoinghiiep.org.vn/>

NÂNG CAO HIỆU QUẢ TỰ HỌC CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Lê Thị Bích Thuận

Khoa Lý luận Chính trị - Pháp luật

Số điện thoại: 01683386123

Tóm tắt

Nâng cao hiệu quả tự học các môn Lý luận chính trị cho sinh viên là vấn đề được đông đảo các thầy cô giáo trực tiếp giảng dạy các môn Lý luận chính trị quan tâm. Nhờ có những đổi mới trong phương pháp dạy học và ý thức học tập của sinh viên mà kết quả học tập đã có những chuyển biến tích cực. Song bên cạnh đó việc tự học của sinh viên vẫn còn có những hạn chế. Bài viết đã đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tự học các môn Lý luận chính trị cho người học.

1. Một số vấn đề chung về nâng cao hiệu quả tự học các môn Lý luận chính trị

Ở mỗi cấp học khác nhau, phương pháp dạy và học cũng khác nhau. Đối với cấp học phổ thông, phương pháp truyền thống thầy cô giảng, học sinh lắng nghe và ghi chép là phổ biến. Ở bậc đại học, thầy cô đóng vai trò là người hướng dẫn, tổ chức, cố vấn cho các hoạt động tự học của sinh viên. Những bài giảng trên lớp chỉ mang tính định hướng để sinh viên tiếp cận và giải quyết vấn đề sao cho có hiệu quả. Kiến thức có được phụ thuộc vào khả năng thu thập, và xử lý thông tin và tự học của mỗi sinh viên.

Đối với sinh viên, việc học các môn Lý luận chính trị là yêu cầu bắt buộc ở những năm đầu khóa học nhằm trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học, định hướng về mặt tư tưởng, suy nghĩ, hoàn thiện về nhân cách, hành động. Các môn Lý luận chính trị đòi hỏi người học phải có thái độ nghiêm túc, có phương pháp học phù hợp. Sinh viên cần chủ động, tích cực học tập, nỗ lực phấn đấu, trau dồi kiến thức, đặc biệt là cần phát huy tinh thần tự học,

tự nghiên cứu mới có thể đáp ứng những yêu cầu các môn Lý luận chính trị đặt ra.

Tự học là hoạt động mang tính độc lập đòi hỏi người học có ý thức tự giác cao, có thái độ đúng đắn, có tính mục đích và mục tiêu rõ ràng. Tự học thể hiện ở sự tự điều khiển, tự thiết kế, thực hiện kế hoạch học tập, tự điều chỉnh, kiểm tra đánh giá việc học của chính mình theo hướng sáng tạo nhằm củng cố, mở rộng, phát triển tri thức, kỹ năng, kỹ xảo.

Tự học được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, với mức độ tăng dần tính độc lập của người học:

- + Tự học trên lớp có sự điều khiển của giáo viên;
- + Tự học ngoài lớp, ngoài giờ học có sự chỉ đạo gián tiếp của giáo viên;
- + Tự học ngoài lớp không có sự chỉ đạo, điều khiển của giáo viên.

Với sự phong phú, đa dạng về hình thức như vậy nên sinh viên hoàn toàn chủ động lựa chọn cho mình cách học tập, nghiên cứu sao cho phù hợp với điều kiện và khả năng mà mình có.

2. Thực trạng học tập các môn Lý luận chính trị của sinh viên Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Trong những năm qua, nhà trường cũng như khoa Lý luận chính trị và Pháp luật đã không ngừng bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên về chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm, thực hiện nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy của giáo viên cũng như hiệu quả học tập cho sinh viên. Tuy nhiên, nếu chỉ là sự nỗ lực của nhà trường và thầy cô không thôi chưa đủ mà còn phải có sự hợp tác nhiệt tình từ phía sinh viên. Từ thực tiễn giảng dạy và thông qua trao đổi với đồng nghiệp tôi nhận thấy: bên cạnh phần lớn những sinh viên có nhận thức đúng đắn về các môn học Lý luận chính trị, có ý thức học tập, có thái độ nghiêm túc còn có một bộ phận không nhỏ sinh viên nhận thức chưa đúng vai trò và tầm quan trọng của các môn Lý luận chính trị, chưa thấy rõ mối liên hệ giữa các học phần Lý luận chính trị với các môn học khác đặc biệt là các môn chuyên ngành, coi các môn Lý luận chính trị là những môn học phụ, khô khan, trừu tượng, khó hiểu không liên quan đến các môn học sau này dẫn

đến thái độ xem nhẹ, thiếu tích cực, ỷ lại thờ ơ, chán học, coi thường môn học. Từ đó dẫn đến học các môn Lý luận chính trị chỉ mang tính đối phó, học chỉ cần qua, trả nợ cho xong học phần.

Từ sự nhận thức không đúng về môn học, thái độ học tập thiếu tích cực dẫn đến kết quả học tập thấp, kiến thức môn học không sâu, tình trạng thi lại còn nhiều.

Xuất phát từ thực trạng như đã nêu ở trên, báo cáo tập trung vào các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tự học các môn Lý luận chính trị cho sinh viên.

3. Giải pháp nâng cao hiệu quả tự học

Thực tế cho thấy, khi bước chân vào trường đại học, năm học đầu tiên nhiều sinh viên còn bỡ ngỡ, choáng ngợp bởi môi trường học tập, thầy cô, bạn bè, nội dung mới, phương pháp mới .v.v. Vậy làm thế nào để các em lĩnh hội được kiến thức một cách tốt nhất? Theo tôi, sinh viên cần rèn luyện các kỹ năng sau:

Thứ nhất: Lập kế hoạch học tập cho từng học phần

Sinh viên cần thiết lập kế hoạch học tập cho từng học phần, học kỳ, năm học. Để tạo điều kiện cho sinh viên lập kế hoạch học tập một cách thuận lợi và khoa học, vào buổi đầu của mỗi học phần giảng viên cần cung cấp cho sinh viên đề cương chi tiết môn học, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo, số lượng bài kiểm tra, hình thức thảo luận trên lớp, hình thức kiểm tra, thi kết thúc môn học, hướng dẫn sinh viên những nội dung tự học ở nhà. Từ đó sinh viên lập kế hoạch học tập phù hợp với từng môn học, thời gian và đặc điểm tâm lý của bản thân.

Kế hoạch học tập của sinh viên phải thực tế và linh hoạt, không nhất thiết là cố định mà có thể xê dịch để phù hợp với hoàn cảnh thực tế. Do đó, kế hoạch học tập của sinh viên không phải là cứng nhắc, mà là một kim chỉ nam, một phương hướng để sinh viên hành động. Đặc biệt, trong đào tạo theo tín chỉ, sinh viên có nhiều thời gian để tự học, nên các em phải có kế hoạch sử dụng quỹ thời gian hợp lý và hiệu quả. Ngoài ra, để thực hiện tốt kế hoạch học tập, sinh viên phải có đủ phương tiện để học tập như: giáo trình, tài liệu tham khảo, cùng các phương tiện hỗ trợ khác... Tuy nhiên, việc tự học của sinh viên chỉ có kết quả khi có sự kiểm tra và đánh giá của giảng viên một cách thường xuyên hoặc sinh

viên tự đánh giá, vì thông qua kiểm tra đánh giá giúp các em biết rõ ưu, nhược điểm của mình để có sự điều chỉnh hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả học tập.

Thứ hai: Chuẩn bị bài trước khi lên lớp

Để tiếp nhận bài giảng một cách tối ưu, sinh viên cần tìm hiểu đề cương chi tiết học phần để nắm rõ được chương trình môn học, biết được những vấn đề sẽ trình bày theo hướng nào? Nội dung, phạm vi của bài học là gì? Vấn đề nào sinh viên sẽ tự học, tự nghiên cứu?

Trước khi lên lớp, sinh viên cần xem lại bài ghi lần trước, khi sinh viên nắm vững kiến thức đã học sẽ tiếp thu kiến thức bài mới tốt hơn. Khi nghiên cứu nội dung bài mới cần xác định trọng tâm của bài và đánh dấu lại để khi nghe giảng sẽ chú ý hơn và nếu bài giảng chưa giải thích rõ các em cần trao đổi lại với thầy, cô hoặc bạn bè.

Thứ ba: Nghe giảng và ghi chép

Nghe giảng và ghi chép là hai hoạt động cùng tiến hành đồng thời. Theo nghiên cứu của các nhà tâm lý học, việc tiến hành đồng thời hai loại hoạt động chỉ có thể đạt được kết quả cao khi một trong hai hoạt động đó đã trở nên thành thục.

Nghe giảng trên lớp: Nghe giảng là một hoạt động mang tính tất yếu không thể tách rời đối với mỗi sinh viên khi đến lớp. Khi nghe giảng, sinh viên phải hoạt động tư duy hết sức tích cực, khẩn trương để có thể nắm được những vấn đề giảng viên gợi mở, trình bày.

Ghi chép trên lớp: Mỗi môn học đòi hỏi một phương pháp ghi chép khác nhau, với các môn Lý luận chính trị đòi hỏi sinh viên phải biết chắt lọc thông tin, sắp xếp nội dung mà thầy cô chuyên tải để ghi chép sao cho dễ hiểu nhất. Như vậy, việc ghi lại bài giảng cũng là một nghệ thuật, luôn thay đổi tùy theo đặc trưng từng môn học và phương pháp giảng bài của từng giảng viên. Đối với các môn Lý luận chính trị, cần đảm bảo tính chính xác và tính logic của các quan điểm, luận cứ, luận chứng... Vì vậy, bài ghi của sinh viên phải chính xác, đảm bảo yêu cầu về kiến thức và tính logic của bài học. Tuy nhiên, cách ghi bài của mỗi sinh viên có thể khác nhau, tùy thuộc vào vốn hiểu biết và sự vận dụng sáng tạo của mỗi sinh viên.

Thứ tư: Tổng hợp và chỉnh sửa bài ghi

Mặc dù trên lớp sinh viên tích cực động não và ghi chép, nhưng nếu sau đó sinh viên xếp vở ghi lại, đợi tới ngày ôn thi mới mở ra xem mà không chỉnh sửa ngay thì việc tiếp thu bài không thể coi là hoàn chỉnh và tốt. Với trình độ đại học và cao đẳng, các môn Lý luận chính trị có khối lượng kiến thức rộng, mang tính trừu tượng được tổng hợp từ nhiều lĩnh vực nên bài giảng của giảng viên trên lớp chỉ mang tính hướng dẫn, gợi ý chứ không phải trình bày hoàn chỉnh, trọn vẹn về một vấn đề. Vì vậy, việc xem lại và hoàn chỉnh bài ghi là việc làm cần thiết đối với sinh viên.

Để giúp sinh viên có thể nghe giảng và ghi chép hiệu quả, giảng viên nên:

- Giới thiệu trước những tài liệu cần đọc để phục vụ cho bài học và đề ra những yêu cầu cụ thể cho sinh viên khi đọc các tài liệu đó.

- Cần có những hình thức, biện pháp kiểm tra việc đọc tài liệu và tự nghiên cứu của sinh viên.

- Trình bày vấn đề một cách hệ thống, rõ ràng để sinh viên dễ theo dõi vấn đề và ghi chép, tránh tình trạng giáo viên trình bày bài giảng tản mạn, thiếu hệ thống, làm cho sinh viên dù phải tập trung chú ý cao độ nhưng vẫn không nắm bắt được nội dung cơ bản của vấn đề và không thể ghi chép được.

Thứ năm: Đọc giáo trình, tài liệu

Đối với sinh viên, đọc sách không những là nhu cầu, hứng thú mà còn là một nhiệm vụ tất yếu. Đọc giáo trình, tài liệu để tự học, tự nghiên cứu là công việc chính của mỗi sinh viên. Trong quá trình học tập các môn Lý luận Chính trị, 100% sinh viên phải có giáo trình, tài liệu cần thiết. Theo chúng tôi để đọc giáo trình và tài liệu có kết quả, sinh viên cần lưu ý:

- Sinh viên biết lựa chọn sách, báo, tạp chí, văn kiện, nghị quyết,... phù hợp với từng bài học.

- Sinh viên cần xác định rõ mục đích đọc tài liệu: đọc để tìm hiểu toàn bộ nội dung cuốn sách; để tìm hiểu một vấn đề; sưu tầm tài liệu bổ sung cho những vấn đề các em đang nghiên cứu, hoặc thu thập thông tin để giải quyết một vấn

đề thực tiễn nào đó... Nói chung, đọc sách vì mục đích gì thì sinh viên phải xác định được ngay từ đầu mới đạt hiệu quả thiết thực.

- Đọc tài liệu để hiểu sâu kiến thức cơ bản của từng bài, từng chương và tiến tới cả học phần.

- Sinh viên biết tự triển khai những vấn đề cụ thể của từng học phần như: thiết kế, chuẩn bị câu hỏi cho các giờ thảo luận trên lớp; phương án giải quyết vấn đề, sinh viên nên thiết kế theo hướng từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp.

Như vậy, để đạt kết quả cao trong học tập các môn Lý luận chính trị ngoài những yếu tố khách quan như nhà trường, thầy cô thì ý thức tự học của sinh viên luôn là yếu tố cốt lõi quyết định nhất. Từ nhận thức đó bài viết đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao khả năng tự học cho sinh viên. Rất mong nhận được những chia sẻ từ phía thầy cô và các em sinh viên!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Thị Cúc (2006), *Hướng dẫn phương pháp tự học học phần Chủ nghĩa duy vật biện chứng môn triết học Mác – Lênin cho sinh viên trường Cao đẳng kinh tế kỹ thuật thương mại Hà Tây*, Luận văn thạc sỹ.
2. Vũ Quốc Chung, Lê Hải Yến (2008), *Để tự học có hiệu quả*, Nxb Đại học sư phạm Hà Nội.
3. Vương Xuân Hiệp (2014), *Nâng cao hiệu quả tự học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh cho sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội*, đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường.
4. Nguyễn Cảnh Toàn, (chủ biên) (2002), *Học và dạy cách học*, Nxb ĐHSP Hà Nội.

MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÍCH CỰC NHẪM TÍCH HỢP GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP VÀO GIẢNG DẠY MÔN CHÍNH TRỊ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI.

TS. Trần Thị Minh Trâm

Khoa: Lý luận Chính trị - Pháp luật

Trường: Đại học Công nghiệp Hà Nội

Email: Tram9702gmail.com

Điện thoại: 098318767

Tóm tắt: Dạy học tích hợp là định hướng dạy học nhằm hình thành ở sinh viên những năng lực giải quyết hiệu quả các tình huống thực tiễn dựa trên sự huy động nội dung, kiến thức, kỹ năng thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau. Tích hợp giáo dục đạo đức nghề nghiệp vào dạy học môn chính trị cần được nghiên cứu cả về nội dung và phương pháp phù hợp. Bằng một số phương pháp dạy học tích cực lồng ghép các tình huống, các câu chuyện, các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn, thông qua đó giảng viên giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên. Điều này, sẽ đảm bảo mỗi sinh viên biết cách vận dụng kiến thức học để giải quyết các vấn đề trong các hoàn cảnh mới, khó khăn, phức tạp, qua đó trở thành một người công dân có trách nhiệm, một người lao động có năng lực.

Từ khóa: Tích hợp; đạo đức nghề nghiệp; môn chính trị

1. Đặt vấn đề

Công tác đào tạo nghề hiện nay đã tạo ra nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Những tác động của nền kinh tế thị trường đã và đang tạo ra những biến động về giá trị đạo đức trong xã hội và trong tầng lớp học sinh, sinh viên. Nhà trường cần có sự quan tâm đúng mức và có những biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên thích hợp nhằm tạo ra sự định hướng tác động thống nhất, hạn chế được những ảnh hưởng tiêu cực và phát huy được những mặt tích cực giúp học sinh, sinh viên rèn luyện những phẩm chất đạo đức nói chung và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp nói riêng để họ vững bước vào cuộc sống lao động nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp ra trường. Tuy nhiên,

việc đào tạo hiện nay mới dừng lý thuyết, chưa thực sự gắn với thực tiễn, nặng về kiến thức, kỹ năng nghề, chưa chú trọng giáo dục đạo đức nghề nghiệp.

Môn chính trị dành cho hệ Cao đẳng do khoa Lý luận chính trị - pháp luật giảng dạy là môn học có vai trò giáo dục đạo đức, chính trị, tư tưởng, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên, nội dung kiến thức của môn học trong chương trình hiện hành lại mang tính hàn lâm, Phương pháp giảng dạy của giáo viên chậm đổi mới, giáo trình, tài liệu tham khảo chậm sửa đổi, bổ sung. Chính vì vậy, chất lượng giảng dạy môn chính trị chưa đạt hiệu quả cao. Một số sinh viên thiếu niềm đam mê học tập, ngại suy nghĩ, ngại sáng tạo, thiếu trung thực, gian lận trong thi cử, Chưa biết vận dụng kiến thức môn học vào lý giải những vấn đề của thực tiễn. Thống kê kết quả học tập môn Chính trị của sinh viên hệ Cao đẳng k19 từ Trung tâm quản lý chất lượng: số sinh viên nghỉ 30 tiết trở lên trong đợt học Chính trị có 231 sinh viên/1286(chiếm 18%); số sinh viên thi lại có 476/1286 (chiếm 37%). Nhiều sinh viên sau khi ra trường có tình trạng suy thoái về đạo đức, mờ nhạt về lý tưởng, theo lối sống thực dụng, thiếu hoài bão. Theo điều tra của tác giả Nguyễn Mạnh Thắng (2015) về lối sống của công nhân ở khu CN, khu chế xuất hiện nay: 27,9% công nhân có lối sống buông thả, thực dụng; 22% ích kỷ, chủ nghĩa cá nhân; 13,6% phai nhạt lý tưởng, giá trị sống; 18,7% có biểu hiện suy thoái đạo đức, lối sống; 12,9% có thái độ bi quan, chán đời; 20,3% vô cảm trước bất công. Công nhân vi phạm kỷ luật lao động như: không sử dụng thiết bị bảo hộ lao động (45,2%); đi muộn, về sớm (24,8%); lấy đồ của công ty (11,8%); nghỉ làm không xin phép (25,6%); không hoàn thành định mức công việc (25,6%); không chấp hành kỷ luật lao động (19,3%) [6, tr58]. Từ những bất cập trên, việc giảng dạy môn chính trị cần phải có sự thay đổi, đặc biệt là trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện của nền giáo dục. Vấn đề đặt ra làm thế nào vừa giáo dục đạo đức nghề nghiệp, vừa giảng dạy được kiến thức vốn rất nặng về lý thuyết để đạt chuẩn CDIO về mục tiêu học tập: *“Có kiến thức, kỹ năng cá nhân, kỹ năng hoạt động nhóm, có khả năng vận dụng kiến thức giải quyết vấn đề thực tiễn”*. Vì vậy, việc xác định kiến thức giáo

dục đạo đức nghề nghiệp với dung lượng phù hợp và sử dụng phương pháp tích hợp vào dạy học môn chính trị sẽ giải quyết được những vấn đề trên.

2. Nội dung

Có nhiều phương pháp dạy học tích hợp giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong dạy học môn Chính trị, từ các phương pháp truyền thống như: thuyết trình, đàm thoại, nêu gương, sử dụng đồ dùng trực quan... đến các phương pháp hiện đại như: thảo luận nhóm, động não, xử lý tình huống, đóng vai, tổ chức trò chơi, dự án... Các phương pháp này có thể được thực hiện qua các hình thức học tập theo lớp, theo nhóm, cá nhân... Tác giả muốn giới thiệu một số phương pháp dạy học hiện đại tích hợp giáo dục đạo đức nghề nghiệp vào dạy học môn chính trị nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, góp phần hoàn thiện nhân cách cho sinh viên của trường Đại học Công nghiệp trong tình hình hiện nay:

Một là, Phương pháp giải quyết vấn đề (xử lý tình huống): Giải quyết vấn đề/ xử lý tình huống là phương pháp dạy học đặc trưng có nhiều lợi thế của môn Chính trị. Phương pháp này đặt ra yêu cầu cần phải xem xét, phân tích những vấn đề/ tình huống cụ thể thường gặp phải trong cuộc sống, qua đó xác định cách giải quyết, xử lý vấn đề/ tình huống đó sao cho phù hợp. Đây là phương pháp thường được áp dụng trong dạy học tích hợp nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp vào dạy học các môn Lý luận chính trị ở trường đại học

* Cách thực hiện:

- GV nêu tình huống đạo đức nghề nghiệp trong các lĩnh vực khác nhau, phù hợp với nội dung bài học, với các biểu hiện hành vi khác nhau để HS phân tích, xử lý.
- SV xác định, nhận dạng vấn đề/ tình huống.
- SV phát hiện vấn đề cần giải quyết.
- SV thu thập thông tin có liên quan đến vấn đề/ tình huống cần giải quyết.
- SV liệt kê các cách giải quyết.
- SV lựa chọn và đưa ra cách giải quyết.

- GV kết luận, đưa ra cách giải quyết đúng và phù hợp nhất với nội dung bài học
- GV giáo dục đạo đức nghề nghiệp.

* Ví dụ

Khi dạy về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh tích hợp nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp vào Bài 8 “Tu tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” GV nêu tình huống sau:

“Bạn Hoa và em đều tốt nghiệp loại giỏi, vào làm việc cho 1 công ty lớn. Sau một thời gian bạn Hoa được thăng chức và thu nhập cao. Còn em thì vẫn vị trí cũ và thu nhập thấp hơn bạn Hoa” Câu hỏi:

1. Em sẽ làm gì khi xảy ra tình huống trên? Tại sao em lại làm như vậy?
2. Trong trường hợp này em rút ra bài học gì cho bản thân? Vì sao?

Hai là, Phương pháp thảo luận nhóm: Phương pháp thảo luận nhóm có ưu thế sử dụng trong dạy học tích hợp nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp, là phương pháp trong đó GV tổ chức học tập cho SV theo những nhóm nhỏ nhằm giải quyết các vấn đề trong nội dung tích hợp; tạo điều kiện cho SV được giao lưu, học hỏi lẫn nhau, cùng nhau hợp tác để giải quyết những nhiệm vụ chung của cả nhóm. Đây là phương pháp được thực hiện trong dạy học chính khóa.

* Cách thực hiện

- GV nêu chủ đề thảo luận.
- Chia nhóm, giao nhiệm vụ cho SV, quy định thời gian và phân công vị trí của các nhóm.
- Các nhóm thảo luận.
- Đại diện từng nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác quan sát, lắng nghe và cho ý kiến.
- GV tổng kết, nhận xét và giáo dục đạo đức nghề nghiệp

* Ví dụ

Khi dạy bài 4 “ Bản chất và giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản” môn chính trị, sau khi SV xem phóng sự về năng suất lao động của Việt Nam,

GV có thể tổ chức cho HS thảo luận nhóm theo các câu hỏi sau:

1. Tại sao năng suất lao động của người Việt nam thấp?
2. Em cần phải làm gì để góp phần tăng năng suất lao động của người Việt Nam?

Ba là, Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình: Nghiên cứu trường hợp điển hình là phương pháp sử dụng một câu chuyện có thật về một người, một tập thể, một cơ quan, đơn vị, hoặc sử dụng một câu chuyện được viết dựa theo những trường hợp gần gũi thường xảy ra trong thực tiễn cuộc sống. Đôi khi nghiên cứu trường hợp điển hình còn có thể được thực hiện qua video hay một băng catset. Đây là phương pháp được thực hiện trong dạy học chính khóa lẫn ngoại khóa.

* Cách thực hiện

- GV yêu cầu SV đọc câu chuyện về trường hợp điển hình.
- GV nêu câu hỏi thảo luận cho các nhóm.
- Các nhóm thảo luận và báo cáo kết quả.
- GV kết luận và giáo dục đạo đức nghề nghiệp.

* Ví dụ

Khi dạy tích hợp bài 12 “Quan điểm cơ bản về đại đoàn kết dân tộc và tôn giáo”, GV có thể tổ chức cho HS nghiên cứu trường hợp điển hình theo các bước sau:

- SV đọc câu chuyện: Giá trị của sự kết nối

Tại một ngôi làng nhỏ, có một vị giáo sư thường đến nói chuyện về cuộc sống, về cộng đồng vào mỗi ngày chủ nhật. Ngoài ra, ông còn tổ chức nhiều hoạt động cho những cậu bé trong làng cùng chơi. Nhưng đến một ngày chủ nhật nọ, một cậu bé, vốn rất chăm đến nghe nói chuyện bỗng nhiên không đến nữa. Nghe nói cậu ta không muốn nghe những bài nói chuyện tầm xàm và cũng chẳng muốn chơi với những cô cậu bé khác nữa.

Sau hai tuần, vị giáo sư quyết định đến thăm nhà cậu bé. Cậu bé đang ở nhà một mình, ngồi trước bếp lửa. Đoán được lý do chuyến viếng thăm, cậu bé mời vị giáo sư vào nhà và lấy cho ông một chiếc ghế ngồi bên bếp lửa cho

ấm. Vị giáo sư ngồi xuống nhưng vẫn không nói gì. Trong im lặng, hai người cùng ngồi nhìn những ngọn lửa nhảy múa.

Sau vài phút, vị giáo sư lấy cái kẹp, cẩn thận nhặt một mẩu than hồng đang cháy sáng ra và đặt riêng nó sang bên cạnh lò sưởi. Rồi ông ngồi lại xuống ghế, vẫn im lặng. Cậu bé cũng im lặng quan sát mọi việc. Cục than đơn lẻ cháy nhỏ dần, cuối cùng cháy thêm được một vài giây nữa rồi tắt hẳn, không còn đốm lửa nào nữa. Nó trở nên lạnh lẽo và không còn sức sống.

Vị giáo sư nhìn đồng hồ và nhận ra đã đến giờ ông phải đến thăm một người khác. Ông chậm rãi đứng dậy, nhặt cục than lạnh lẽo và đặt lại vào giữa bếp lửa. Ngay lập tức, nó lại bắt đầu cháy, tỏa sáng, lại một lần nữa với ánh sáng và hơi ấm của những cục than xung quanh nó. Khi vị giáo sư đi ra cửa, cậu bé chủ nhà nắm tay ông và nói:

- Cảm ơn bác đã đến thăm, và đặc biệt cảm ơn bài nói chuyện của bác. Tuần sau cháu sẽ lại đến chỗ bác cùng mọi người.

Sinh viên thảo luận theo các câu hỏi:

1. Suy nghĩ của em trước hành động của giáo sư?
2. Qua câu chuyện trên, các em rút ra được bài học gì trong cuộc sống cũng như trong quá trình công tác sau này?

Bốn là, Phương pháp đóng vai: Phương pháp đóng vai được sử dụng trong dạy học tích hợp nội dung giáo dục pháp luật đối với các tình huống cần thể hiện cách ứng xử của HS. Trong phương pháp này, GV tổ chức cho SV thực hành một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Đây là phương pháp được thực hiện trong dạy học chính khóa.

* Cách thực hiện

– GV nêu chủ đề, chia nhóm, giao tình huống và yêu cầu đóng vai cho từng nhóm.

– Các nhóm thảo luận chuẩn bị đóng vai.

– Các nhóm lên đóng vai.

– Lớp thảo luận, nhận xét về việc đóng vai của từng nhóm.

– GV kết luận, định hướng cho SV về cách ứng xử tích cực trong tình huống đã đóng vai và giáo dục đạo đức nghề nghiệp.

* Ví dụ

Khi dạy bài 11 “Đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Đảng ta”, GV có thể tổ chức cho sinh viên đóng vai :

Sau giờ tan học, Sơn rủ Toàn tham gia nhóm “Hội thánh đức chúa trời” :

– Ông tham gia hội cùng tôi, hội này giúp chúng ta có cuộc sống tốt đẹp.

Toàn đang chân chừ thì Sơn rủ tiếp :

– Cậu nghe tớ đi, Đức Chúa Trời sẽ phù hộ cho cậu có sức mạnh siêu nhiên, không cần học nhiều vẫn điểm cao! Tớ đến đó một vài lần rồi thích lắm. Hãy đóng vai thể hiện cách ứng xử của Toàn trong trường hợp này. *Năm là, Liên hệ thực tế và tự liên hệ* :Liên hệ thực tế và tự liên hệ là phương pháp nhằm tạo ra những điều kiện thuận tiện cho học sinh được nghĩ đến những vấn đề đang diễn ra trong thực tế có liên quan đến bài học. Trên cơ sở đó, SV được bộc lộ thái độ, ý kiến, cách làm riêng của mình, hoặc so sánh, đối chiếu với nội dung bài học để hiểu sâu sắc hơn đạo đức nghề nghiệp cần trang bị. HS cũng có thể so sánh, đối chiếu thái độ, hành vi của mình với nội dung bài học để củng cố những mặt tốt, tránh được việc vi phạm đạo đức nghề nghiệp.

* Cách thức thực hiện :

– Giáo viên có thể đặt câu hỏi gợi mở học sinh liên hệ với thực tế cuộc sống:

* Ví dụ: Ở bài 4 “ Bản chất và giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản” phần mặt trái của sản xuất hàng hóa, GV có thể hỏi các câu hỏi sau để SV liên hệ và tự liên hệ:

1. Em hiểu biết gì về hiện tượng sản xuất thực phẩm bản hiện nay trên thị trường Việt Nam?
2. Hãy cho biết ý kiến của em về sản xuất thực phẩm bản ở Hà Nội?
3. Em sẽ làm gì trước thực trạng trên ?

– Giáo viên động viên học sinh liên hệ thực tế hoặc tự liên hệ.

– Học sinh phát biểu bằng chính suy nghĩ của các em.

Sáu là, Tranh luận: Tranh luận tạo cơ hội cho HS được bày tỏ nhiều ý kiến khác nhau về cùng một vấn đề, phát triển ở HS kĩ năng trình bày suy nghĩ logic, khả năng tập trung vào những điểm chính, cốt lõi ; biết phân tích quan điểm của bản thân và phản hồi ý kiến kịp thời ; biết chấp nhận quan điểm của người khác, nêu quan điểm đó hợp lí.

* Cách thực hiện :

- Chọn vấn đề tranh luận
- Chọn người tham gia tranh luận, tổ chức thành 2 đội hoặc 2 nhóm (nên để SV xung phong).
- GV nêu vấn đề để SV tranh luận.
- SV suy nghĩ, tìm ý để trả lời câu hỏi.
- Từng đội/ nhóm lần lượt nêu ý kiến để bảo vệ cho quan điểm của mình.
- Lớp nhận xét đánh giá.
- Kết luận, đánh giá của GV.

* Ví dụ: Ở bài “Giai cấp công nhân và công đoàn Việt Nam” GV tổ chức cho SV tranh luận vấn đề Vì sao công đoàn là trường học kinh tế, trường học giáo dục, trường học quản lý? Từ đó các em hiểu được ý nghĩa của tổ chức công đoàn.

3. Kết luận

Việc nhà trường quan tâm đến các biện pháp giáo dục tích cực như dạy học lồng ghép giữa các môn học với giáo dục đạo đức nghề nghiệp, pháp luật, bình đẳng giới ... là những giải pháp quan trọng. Trong đó, chú trọng đến môn chính trị bởi xuất phát từ mục tiêu của môn học, không chỉ dừng lại ở truyền đạt kiến thức mà quan trọng hơn là phát triển năng lực thực hành cho SV, để SV có thể biến những kiến thức đã học thành những hành động cụ thể, phù hợp với yêu cầu xã hội. Giúp các em hiểu được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cần có trong các mối quan hệ xã hội. Điều này cần đến vai trò của giảng viên. Mỗi giảng viên phải tự nâng cao năng lực sư phạm sử dụng phương pháp tích hợp như: thảo luận nhóm; nghiên cứu trường hợp điển hình; đóng vai; liên hệ thực tế và tự liên hệ; tranh luận...trong từng nội dung phù hợp nhằm nâng cao chất lượng dạy và

học, góp phần phát huy tính tích cực học tập, hoàn thiện nhân cách, đạo đức nghề nghiệp của sinh viên sau khi ra trường.

Tài liệu tham khảo

1. Viện nghiên cứu sư phạm (2008) “*Dạy học tích hợp và khả năng áp dụng vào thực tiễn giáo dục Việt Nam*”, Kỷ yếu hội thảo

2. Đỗ Mạnh Cường (2011), “*Năng lực thực hành và dạy học tích hợp trong đào tạo nghề*”, viện nghiên cứu Giáo dục Chuyên nghiệp

3. Phạm Thị Hải (2016) “*Tích hợp giáo dục ý thức chính trị cho học sinh trung cấp chuyên nghiệp tại trường cao đẳng sư phạm Bắc Ninh*”, luận văn thạc sỹ, trường Đại học sư phạm Hà Nội.

4. Bùi Ngọc Lan (2017) “*Quán triệt nghị quyết trung ương IV trong nghiên cứu, giảng dạy lý luận chính trị*”, tạp chí lý luận chính trị, số 8, trang 48-51

5. Nguyễn Mạnh Thắng (2015), “*Lối sống của công nhân ở khu công nghiệp, khu chế xuất hiện nay*”, Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 7, tr58.

6. <http://cau-chuyen-ve-su-doan-ket-4-147.html>, truy cập 15/9/2016

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SEMINAR TRONG VIỆC DẠY VÀ HỌC MÔN HỌC NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN HIỆN NAY

ThS. Bùi Thị Kim Xuân

Khoa LLCT-PL

kimxuanbui.dhcn@gmail.com

SĐT: 0904584350

Tóm tắt

Nghị quyết Đại hội đại biểu lần IX của Đảng đã chỉ rõ: *Đổi mới phương pháp dạy và học, phát huy tư duy sáng tạo và năng lực tự đào tạo của người học, coi trọng thực hành, thực nghiệm, ngoại khoá, làm chủ kiến thức, tránh nhồi nhét, học vẹt, học chay.* Vì thế, mỗi giảng viên lý luận chính trị cần vận dụng một cách sáng tạo các phương pháp dạy học hiện đại theo hướng phát huy tính tích cực nhận thức, tính chủ động, sáng tạo của sinh viên, tăng cường tự học, tự nghiên cứu; từng bước áp dụng những thành tựu của công nghệ thông tin vào hoạt động dạy và học. Một trong những phương pháp hiện đại đang được áp dụng nhiều trong công tác dạy và học hiện nay đó là phương pháp seminar. Với phương pháp này, đòi hỏi sinh viên phải phát huy cao nhất phương pháp tự học, trau dồi phương pháp nghiên cứu khoa học.

Từ khóa: Phương pháp seminar, lý luận chính trị

Đặt vấn đề

Việc giảng dạy môn NLCBCNM ở các trường đại học, cao đẳng có một vị trí quan trọng trong việc giáo dục, đào tạo cũng như định hướng về mặt tư tưởng lý luận và phương pháp luận khoa học cho sinh viên. Bên cạnh đó, môn học NLCBCNML còn cung cấp thế giới quan khoa học, hình thành nhân sinh quan cách mạng, lòng yêu nước, yêu CNXH, rèn luyện bản lĩnh chính trị cho sinh viên. Tuy nhiên, ở các trường cao đẳng và đại học hiện nay chất lượng dạy và học môn NLCBCNMLN vẫn còn bị xem nhẹ, học cho qua để đối phó lấy điểm còn nhiều chứ không vì nhu cầu vận dụng vào thực tiễn còn diễn ra khá phổ biến trong sinh viên.

Trước thực tế đó mà Nghị quyết Đại hội đại biểu lần IX của Đảng đã chỉ rõ: “*Đổi mới phương pháp dạy và học, phát huy tư duy sáng tạo và năng lực tự đào tạo của người học, coi trọng thực hành, thực nghiệm, ngoại khoá, làm chủ kiến thức, tránh nhồi nhét, học vẹt, học chay*”. Vì thế, mỗi giảng viên lý luận chính trị cần vận dụng một cách sáng tạo các phương pháp dạy học hiện đại theo hướng phát huy tính tích cực nhận thức, tính chủ động, sáng tạo của sinh viên, tăng cường tự học, tự nghiên cứu; từng bước áp dụng những thành tựu của công nghệ thông tin vào hoạt động dạy và học. Một trong những phương pháp hiện đại đang được áp dụng nhiều trong công tác dạy và học hiện nay đó là phương pháp seminar. Với phương pháp này, đòi hỏi sinh viên phải phát huy cao nhất phương pháp tự học, trau dồi phương pháp nghiên cứu khoa học.

Seminar là gì? Trước khi đi tìm hiểu thực trạng việc sử dụng phương pháp seminar trong việc dạy và học môn NLCBCNM và đề ra các giải pháp trong việc sử dụng phương pháp này thì chúng ta phải rõ bản chất của phương pháp seminar, đặc biệt là mặt khái niệm.

Seminar chính là phương pháp học mà người học “hoàn toàn có quyền chủ động” từ khâu chuẩn bị tài liệu, trình bày nội dung, đưa dẫn chứng, trao đổi, thảo luận với các thành viên khác và cuối cùng là tự rút ra nội dung bài học hay vấn đề nghiên cứu cũng như đề xuất các ý kiến mở rộng nội dung.

Quy trình chuẩn bị một bài seminar cho môn NLCBCNM cũng giống như hầu hết các môn khác đều phải trải qua những bước cơ bản sau:

1. Tìm hiểu đề tài
2. Tìm tài liệu xoay quanh đề tài
3. Lựa chọn (đọc sơ bộ) tài liệu quan trọng nhất, gần nhất, chính xác nhất với mục tiêu đề tài lựa chọn
4. Lập dàn ý sơ bộ cho toàn bộ đề tài
5. Đọc thật kỹ các tài liệu đã chọn để rút ra kết quả và diễn đạt theo ý mình
6. Tìm tài liệu cụ thể cho từng mục
7. Bắt đầu viết bài theo dàn ý lập sẵn

8. Đọc và sửa lại bài viết
9. Trình bày bài viết
10. Làm báo cáo PowerPoint
11. Báo cáo trước mọi người

1. Một số lý luận chung sử dụng phương pháp seminar trong việc dạy và học môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin giai đoạn hiện nay.

Đối với học phần môn NLCNMLN, việc sử dụng phương pháp seminar giúp cho sinh viên chủ động trong nghiên cứu và tiếp thu kiến thức môn học. Là dịp để mỗi sinh viên thể hiện phương pháp tư duy khoa học và tập làm quen với cách thuyết trình một vấn đề khoa học. Là dịp tốt nhất để giảng viên và sinh viên, giữa các sinh viên có thể đối thoại với nhau trên lĩnh vực kiến thức khoa học để họ cùng trao đổi với nhau về học thuật và giải quyết những thắc mắc trong quá trình học tập. Qua các tiết seminar ý thức học tập của sinh viên tăng lên, sinh viên đi học chuyên cần và tích cực phát biểu - các hoạt động này được tính vào điểm tích lũy của học phần.

Việc đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá góp phần làm cho công tác thi cử nhẹ nhàng hơn đánh giá đúng năng lực và sự phấn đấu quá trình của người học, đồng thời không còn hiện tượng sinh viên vi phạm quy chế thi. Việc đánh giá điểm thi bằng các tiết seminar với những quy định về nội dung được duyệt trước đề cương, powerpoint và phương pháp thuyết trình giúp cho người học tập dượt với cách thức trình bày một chủ đề, cách thức nghiên cứu và tập hợp tài liệu để hình thành một phần kỹ năng mềm của bản thân; gắn quan điểm, tư tưởng CN MLN với trách nhiệm của bản thân trong học tập và rèn luyện, trong công tác xã hội từ thiện; phát huy tính sáng tạo, khả năng vận dụng lý luận để giải thích các vấn đề của thực tiễn. Việc đánh giá kết quả học phần bằng hình thức thuyết trình và thảo luận nhóm (đánh giá quá trình), khuyến khích người học thường xuyên tự học, đánh giá đúng năng lực của người học. Trong việc đánh giá kết quả điểm quá trình, hình thức seminar trong thực tế thực hiện đã tỏ

ra có nhiều tác động tích cực, có nhiều ưu điểm đến kết quả học tập của sinh viên.

Sự cần thiết của việc sử dụng phương pháp seminar trong việc dạy và học môn NLCBCNM

Đối với người dạy

Giảng viên giảng dạy môn NLCBCNM sẽ phải chủ động hướng dẫn sinh viên tìm đọc tài liệu liên quan đến môn học, đến các nghị quyết của Đảng để so sánh và rút ra những đổi mới trong đường lối của Đảng và nhà nước.

Người dạy phải truyền đạt đầy đủ nội dung của các bài học, các nguyên lý, quy luật, phạm trù... tới sinh viên và hướng dẫn sinh viên vận dụng nội dung bài học môn NLCBCNM vào thực tiễn của xã hội Việt Nam. Muốn có một bài seminar hay thì người dạy phải có một định hướng tốt, một bài giảng lý luận chính trị hay, có chất lượng cho sinh viên của mình. Bài giảng môn NLCBCNM phải gắn kết chặt chẽ giữa lý luận với thực tiễn như chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Lý luận cốt là để áp dụng vào công việc thực tế. Lý luận mà không áp dụng vào thực tế là lý luận suông. Dù xem được hàng ngàn hàng vạn quyển lý luận, nếu không biết đem ra thực hành, thì khác nào một cái hòm đựng sách” [2, tr.234].

Người dạy phải đưa ra các chủ đề seminar về môn học NLCBCNM và có tác dụng giúp sinh viên suy nghĩ logic và thoải mái thể hiện khả năng của bản thân, có thể khơi dậy trong sinh viên niềm hứng khởi để thể hiện khả năng thuyết trình về vấn đề mình lựa chọn. Người dạy khi nghe sinh viên của mình thuyết trình sẽ chú ý bổ sung những luận điểm, những ý còn thiếu để từ đó sửa chữa và hoàn thiện hơn bài seminar, giúp sinh viên đi đúng hướng vấn đề cần giải quyết trong bài thuyết trình của mình.

Đối với người học

Khi sử dụng phương pháp seminar người học sẽ tích cực, chủ động nghiên cứu đề tài, tham khảo và tìm được nhiều nguồn tài liệu phong phú, lấy được các ví dụ thực tiễn để làm rõ ràng các nguyên lý, quy luật, phạm trù... và thể hiện các vấn đề trên theo cách nhìn nhận của bản thân. Chính vì vậy, với

cách làm này thì các vấn đề cần nghiên cứu sẽ trở nên dễ dàng tiếp thu, dễ hiểu hơn.

Sinh viên khi sử dụng phương pháp seminar sẽ biết cách liên hệ thực tiễn, chủ động trong việc trình bày tri thức, trong việc sắp xếp các tài liệu tham khảo mà mình đã nghiên cứu. Sinh viên biết cách bảo vệ luận điểm của mình trước những phản biện của người nghe để từ đó trau dồi cho bản thân những kiến thức sâu sắc hơn về nội dung các nguyên lý, quy luật, phạm trù... Trong phương pháp seminar thì việc chọn lựa các vấn đề thuyết trình thực chất là việc “ôn tập” có trọng tâm, trọng điểm toàn bộ môn học.

Với việc đưa ra các nội dung thuyết trình từ khi bắt đầu học tập, sinh viên có thời gian để chọn lựa đề tài thuyết trình và nhóm thực hiện. Rồi qua quá trình học tập, sinh viên củng cố sự lựa chọn của mình hoặc thay đổi sự lựa chọn của mình đối với các đề tài thuyết trình. Để từ đó, hình thành cho sinh viên những định hướng học tập đúng đắn, người học chủ động lựa chọn, tìm kiếm tư liệu và những người cùng cộng tác để hoàn thành một chủ đề thuyết trình với vị trí là một bài tập lớn, chiếm đến 1/3 tổng điểm quá trình. Việc sinh viên tiến hành thuyết trình trên lớp là một dạng ôn tập, học lại kiến thức chủ yếu của môn học rất có hiệu quả. Bởi vì, thực chất của các chủ đề thuyết trình là những nội dung cơ bản cần học, cần nắm vững của môn học. Sinh viên ngoài kiến thức truyền thụ của thầy, cô giáo, cùng với giáo trình thì họ sẽ tìm hiểu thêm các nguồn tư liệu về môn NLCBCNM để nhằm làm cho chủ đề thuyết trình của mình hấp dẫn nhất. Đó chính là sự bổ sung kiến thức hết sức chủ động của sinh viên trong quá trình học tập. Sự nhắc lại, trình bày lại, tranh luận những vấn đề cơ bản của kiến thức đã học sẽ giúp cho không chỉ nhóm thuyết trình mà cả lớp nắm vững chắc hơn, hiểu sâu hơn, rõ hơn nội dung kiến thức môn học. Và quá trình này sẽ giúp sinh viên hiểu rõ các đường lối chính sách của Đảng, hiểu rõ được bản chất của môn học này là “ lấy chủ nghĩa Mác- Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động”. [1, tr36]

Trong phương pháp seminar khi tiến hành thuyết trình, người tham gia thuyết trình và nhóm thuyết trình có điều kiện để nâng cao các kỹ năng mềm

cho bản thân. Tạo sự cạnh tranh lành mạnh, cần thiết trong quá trình học tập. Thực tế của việc thuyết trình trong một số năm qua ở một số lớp đã diễn ra hết sức sinh động. Sinh viên đã có nhiều sáng tạo khi được có điều kiện thể hiện bản thân mình. Không công khai nhưng đã có sự thi đua, sự cạnh tranh rất lành mạnh trong sự việc thể hiện “cái tôi” của mình, của nhóm thuyết trình khi thuyết trình trước cả lớp. Sinh viên đã sử dụng hầu hết các phương tiện điện tử, vi tính hiện đại, tìm hiểu nhiều nguồn tư liệu và tiến hành thuyết trình với nhiều cách thức khác nhau như độc thoại có hình ảnh, thuyết minh có hình ảnh, phân vai, phân giai đoạn, đưa âm nhạc, trò chơi vào thuyết trình, có phần thưởng và có phân giao lưu, trao đổi, tranh luận hết sức hấp dẫn. Buổi học thuyết trình đã tránh được sự nhàm chán, một chiều và khơi dậy sự sáng tạo, sự nỗ lực của cá nhân người học và cả nhóm sinh viên. Cũng từ thuyết trình, một số kỹ năng cần thiết của sinh viên được thử thách, thể hiện, nâng cao. Đó là những kỹ năng nói, kỹ năng thu hút sự chú ý, kỹ năng dẫn dắt vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng điều hành một chủ đề thuyết trình có liên quan đến cả lớp. Đặc biệt là giúp sinh viên tự tin lên khi giao tiếp, đây là kết quả mà nhiều bạn sinh viên đã trao đổi là rất thiết thực.

Hạn chế của việc sử dụng phương pháp seminar trong việc dạy và học môn NLCBCNM

Đó là nguồn tài liệu, tư liệu ở thư viện còn quá ít để tham khảo. Một số nơi trong trường hệ thống mạng rất phập phù, không thể truy cập. Đặc biệt là có những lớp xấp xỉ gần 100 sinh viên thì rất khó để học tập có hiệu quả, nhất là đối với phương pháp thuyết trình. Để học có chất lượng và thuyết trình có hiệu quả thì lớp học tối đa là 50 sinh viên. Đây là số lượng tương đối đông nhưng có thể chấp nhận được để giảng dạy và thuyết trình có hiệu quả. Nếu đông quá, rất khó để có được thời gian cho thuyết trình và thực hiện các hoạt động học tập khác.

Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy, việc học tập, vận dụng phương pháp seminar trong học tập bộ môn NLCNMLN chưa thật sự hiệu quả. Nhiều giáo viên vẫn chưa vận dụng đúng phương pháp, chưa hướng dẫn cho sinh viên các

kỹ năng cần thiết để thực hiện một bài thuyết trình, giáo viên thường cho sinh viên một nội dung thuyết trình chuẩn bị trước ở nhà rồi buổi sau lên lớp báo cáo, mà chưa hướng dẫn phương pháp trình bày nội dung đó, hoặc không kiểm tra trước nội dung mà sinh viên báo cáo có đạt hay không. Do đó, nhiều khi bài thuyết trình không đem lại hiệu quả như mong muốn. Còn sinh viên thì chưa chủ động, tự giác học tập, chưa tích cực chuẩn bị và thảo luận trước các nội dung giáo viên đã cho, một số sinh viên thì chưa có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tin học, chưa tự tin ... Một số sinh viên chưa hứng thú với việc học tập, học chỉ để lấy điểm, học cho qua môn học.

Những nhược điểm trên chủ yếu do áp lực thời gian, thời lượng dành cho môn học chỉ có 75 tiết, với khối lượng kiến thức trong giáo trình quá lớn, số lượng sinh viên trong mỗi lớp rất đông nên rất khó khăn trong việc triển khai phương pháp thuyết trình cho từng sinh viên mà chỉ dừng lại ở các nhóm sinh viên và giáo viên thường không có thời gian hướng dẫn riêng cho sinh viên. Khó khăn nữa là sinh viên chủ yếu năm nhất, năm hai vẫn chưa làm quen được với phương pháp mới, phần lớn vẫn thụ động, quen với lối học truyền thống thời phổ thông. Các nhóm chưa biết cách phân bổ thời gian và trình bày hết quan điểm chính của nhóm mình. Một số nội dung mang tính lý luận, nên các nhóm khó lấy ví dụ từ thực tiễn sinh động của cuộc sống dẫn tới một số chủ đề thuyết trình trở nên khô khan không gây sự hứng thú ở người nghe. Một số sinh viên chưa chú tâm đến học tập do đây là các môn chung, nhiều kiến thức mang tính lý luận ít gắn với ngành nghề mà họ đang học. NLCNMLN thường được xem là những môn thuộc lí luận chính trị khô khan, không hấp dẫn như những môn khoa học khác. Chính vì lẽ đó mà người học cảm thấy chán khi nghe, đồng thời cảm thấy khó hiểu vì quá trừu tượng.

2. Giải pháp cho việc sử dụng phương pháp seminar trong việc dạy và học môn NLCNMLN

Thứ nhất: Tăng nội dung thảo luận, thời gian tự nghiên cứu cho sinh viên, giảm giờ lí thuyết. NLCNMLN là môn khoa học đã có giáo trình chuẩn của Bộ và nhiều tài liệu tham khảo khác. Vì vậy, khi lên lớp giáo viên cần tránh nói lại

những điều đã có trong giáo trình mà nên tập trung giải thích, chứng minh những vấn đề giáo trình đặt ra cũng như giải thích những khái niệm, thuật ngữ khó hiểu. Cần dành thời gian để trao đổi, giải trình những ý kiến mà sinh viên đặt ra trong quá trình tự nghiên cứu. Muốn làm được điều này, giáo viên phải giao bài tập để sinh viên về nhà nghiên cứu, chuẩn bị nội dung để trao đổi. Giáo viên phải hướng dẫn cách đọc tài liệu, hướng dẫn cách tra cứu các thông tin, xử lý các kiến thức từ giáo trình. Lên lớp giáo viên chỉ trao đổi với sinh viên những vấn đề mà sinh viên ý kiến cũng như giải đáp những câu hỏi, những thắc mắc của sinh viên. Và ngược lại, giáo viên cũng sẽ đưa ra những tình huống, những vấn đề xoay quanh các kiến thức của giáo trình để sinh viên suy nghĩ trả lời. Hiện nay, chúng ta đang thực hiện chủ trương của Bộ là dành một thời gian nhất định cho sinh viên tự nghiên cứu và thảo luận. Vì vậy, giáo viên cần tận dụng tối đa các tiết tự nghiên cứu để sinh viên phát huy khả năng của mình thông qua những bài tập mà giáo viên giao cho sinh viên về nhà nghiên cứu, tìm hiểu.

Thứ hai: Giảng viên nêu ra các trường hợp có thực hoặc mô phỏng một trường hợp cụ thể để sinh viên nghiên cứu, trao đổi ngắn trong nhiều nhóm với nhau và cùng đề ra hướng giải pháp hiệu quả. Không nên vận dụng một hình thức thảo luận duy nhất từ đầu cho đến cuối môn học. Thảo luận có thể bằng những chủ đề cho trước, sau đó sinh viên về nhà nghiên cứu, viết tham luận trình bày trước lớp, các sinh viên còn lại trao đổi góp ý làm sáng tỏ vấn đề. Hay thảo luận thông qua một vấn đề mà trong quá trình dạy nảy sinh, giáo viên thấy cần dừng lại cho sinh viên thảo luận. Cũng có thể thảo luận một tình huống do sinh viên đặt ra nhưng giáo viên thấy có vấn đề thì cũng nên dừng lại cho sinh viên thảo luận. Thảo luận cũng có thể là một nội dung của bài học mới, giáo viên giao cho sinh viên về nhà nghiên cứu trước nội dung của bài học, sau đó lên lớp, mỗi nhóm phải nêu lên một vấn đề mà nhóm thắc mắc để cả lớp cùng trao đổi, thảo luận.

Thứ ba: các nhóm nhỏ sử dụng các phương tiện hiện đại để minh họa, giải thích thêm cho kiến thức chủ đề thuyết trình của nhóm. Hình thức này tạo điều kiện cho sinh viên trình bày chủ đề của mình theo nhóm dưới sự giám sát im

lặng của các nhóm còn lại dưới lớp. Sau khi nhóm thuyết trình trình bày chủ đề xong các nhóm còn lại có thể phản biện với nhóm thuyết trình hoặc trao đổi vai giữa các nhóm. Thông qua đó giúp sinh viên đào sâu và nắm vững kiến thức hơn, đồng thời cũng gây được cảm hứng cho sinh viên trong quá trình học. Tuy nhiên chúng ta cũng không nên lạm dụng các phương tiện dạy học hiện đại mà nên áp dụng nhiều phương pháp khác nhau cho phù hợp.

Một vấn đề cũng hết sức lưu ý để có thể loại bỏ tính khô khan truyền thống của môn NLGNMLN thì giáo viên phải thay đổi trong cách giảng dạy và kiểm tra đánh giá.

Thứ nhất: giảng viên đưa ra những chủ đề có tính mở gắn với việc vận dụng các quan điểm của NLGNMLN vào giải quyết các vấn đề phát sinh của thực tiễn. Cách ra đề này sẽ tạo tâm lí thoải mái cho sinh viên khi học bài thi, giúp sinh viên có thể vận dụng những kiến thức đã học để giải thích những hiện tượng, những vấn đề xảy ra trong thực tế tốt hơn. Cách ra đề này đòi hỏi sinh viên tìm tòi, học hỏi, suy nghĩ và đặc biệt là phải biết cách liên hệ, vận dụng thực tiễn.

Thứ hai, để tiết kiệm thời gian giáo viên cần sử dụng tốt hệ thống trợ giảng.

Chọn trợ giảng có năng lực để có thể giúp giảng viên sửa trước bài thuyết seminar cho nhóm, hướng dẫn phương pháp thuyết trình để nhóm thuyết trình không bị lạc đề hay làm không đúng về mặt nội dung hình thức. (Trực tiếp trên lớp hoặc qua email). Điều này giúp các nhóm tạo ra những buổi seminar hiệu quả, hứng thú, tránh mất thời gian làm lại khi không đạt yêu cầu.

Kết luận

Seminar là một phương pháp dạy và học tích cực phù hợp với xu thế phát triển chung của thời đại, đặc biệt là trong cuộc cách mạng 4.0, phương pháp dạy và học theo chuẩn CDIO đang được quan tâm nhiều như hiện nay.

Nâng cao chất lượng hiệu quả công tác giáo dục ngành học lý luận chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên là điều cấp thiết, xuất phát từ thực tế khách quan của đất nước và sự nghiệp giáo dục đào tạo.

Việc áp dụng phương pháp seminar trong quá trình dạy và học tập môn NLCNMLN cũng như các môn chính trị khác đã mang lại một “luồng gió mới” cho giới sinh viên. Thông qua phương pháp này sẽ giúp sinh viên nâng cao nhận thức trong việc học tập môn NLCBCNMLN. Mỗi giảng viên giảng dạy các môn Lý luận chính trị nói chung và môn NLCNMLN nói riêng phải không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy, đổi mới hình thức kiểm tra đánh giá để nhằm phát huy năng lực người học, tạo động lực và sự hứng thú cho sinh viên góp phần tạo dựng niềm tin, lý tưởng, nhiệt huyết cách mạng cho thế hệ trẻ hôm nay.

Đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá để nâng cao chất lượng học tập của sinh viên thì seminar là hình thức có nhiều lợi thế, dễ thực hiện và không tốn kém. Điều quan trọng nhất là sự quan tâm và theo dõi của giáo viên trực tiếp phụ trách lớp. Đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá thì giảng viên là vật vủ nhất. Vì vậy, nhà trường cần quan tâm hơn nữa đến đội ngũ giảng viên để đội ngũ giảng viên tiếp tục đẩy mạnh đổi mới trong giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cho nhà trường.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng Sản Việt Nam (1991), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội.
2. Hồ Chí Minh (2000), *toàn tập, tập 5*, Nxb Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội.
3. Hồ Chí Minh (2000), *toàn tập, tập 11*, Nxb Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội.
4. Lê Văn Mười, *Tư tưởng học đi đôi với hành của Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng này ở trường Đại Học Công Nghiệp Hà Nội*, đề tài cơ sở, ĐHCNHN, 2014
5. Nguyễn Chí Mỹ - Lê Ngọc Tòng (1996) *Những yêu cầu cơ bản đối với người giảng viên giảng dạy lý luận Mác- Lê nin*, tạp chí Nghiên cứu lý luận (số 6)